



Tổ chức  
Lao động  
Quốc tế



Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam



# Hướng dẫn Phòng ngừa và giảm thiểu Lao động Trẻ em

*Dành cho cán bộ Công đoàn*

Tài liệu cung cấp kiến thức | Quyển 1



# ▶ Hướng dẫn Phòng ngừa và giảm thiểu Lao động Trẻ em

*Dành cho cán bộ Công đoàn*

Bản quyền © Tổ chức Lao động Quốc tế [2022]

Xuất bản lần đầu năm 2022



Đây là ấn phẩm truy cập mở được phân phối theo Giấy phép Quốc tế Creative Commons Attribution 4.0 (<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/>). Người dùng có thể sử dụng lại, chia sẻ, điều chỉnh và viết lại dựa trên tác phẩm gốc, theo chi tiết trong Giấy phép. ILO phải được ghi nhận là chủ sở hữu của tác phẩm gốc. Người dùng không được phép sử dụng biểu tượng của ILO trong công việc của mình.

**Trích dẫn** – Ấn phẩm này cần được trích dẫn như sau: *Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em dành cho cán bộ Công đoàn - Tài liệu cung cấp kiến thức. Quyển 1, Tổ chức Lao động Quốc tế, 2022.*

**Bản dịch** – Bản dịch của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Bản dịch này không phải là bản dịch của Văn phòng Lao động Quốc tế (ILO) và không được coi là bản dịch chính thức của ILO. ILO không chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch này.*

**Bản điều chỉnh phù hợp với điều kiện địa phương** – Bản điều chỉnh của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Đây là bản điều chỉnh của tác phẩm gốc của Văn phòng Lao động Quốc tế (ILO). Trách nhiệm đối với các quan điểm và ý kiến được thể hiện trong bản điều chỉnh chỉ thuộc về (các) tác giả của bản điều chỉnh và không được ILO phê chuẩn.*

Các câu hỏi về quyền và cấp phép xin gửi về Nhà xuất bản ILO (Quyền và Cấp phép), CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ hoặc qua email [rights@ilo.org](mailto:rights@ilo.org).

---

Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em dành cho cán bộ Công đoàn - Tài liệu cung cấp kiến thức. Quyển 1

ISBN 9789220361085 (print); 9789220361092 (web PDF)

---

Các quy định áp dụng đối với các ấn phẩm của ILO phù hợp với nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền hoặc vùng phân định biên giới nào.

Các ý kiến đưa ra trong các bài báo, nghiên cứu, và các tài liệu khác có tên tác giả thuộc trách nhiệm của các tác giả, và ILO không chứng thực cho những ý kiến được đưa ra trong ấn phẩm.

Việc viện dẫn tên công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực các công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó, và việc không được nhắc đến trong ấn phẩm không có nghĩa là ILO không ủng hộ công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó.

Truy cập trang web [www.ilo.org/publns](http://www.ilo.org/publns) để có thông tin về các ấn phẩm và sản phẩm số của ILO. [www.ilo.org/publns](http://www.ilo.org/publns).

---

Sản phẩm này được thực hiện từ nguồn hỗ trợ Bộ Lao động Hoa Kỳ tài trợ theo Thỏa thuận Hợp tác số IL-26682-14-75-K-11. Một trăm phần trăm tổng chi phí Dự án do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ với tổng số tiền là 10 triệu đô la. Tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay các chính sách của Bộ Lao động Hoa Kỳ, cũng như việc đề cập đến thương hiệu, sản phẩm thương mại hay tổ chức nào không có nghĩa bao hàm sự chứng thực của Chính phủ Hoa Kỳ.

---

In tại Việt Nam

## ► Lời nói đầu

---

Lao động trẻ em (LĐTE) là một vấn đề xã hội có tính toàn cầu, không chỉ diễn ra phổ biến ở các quốc gia nghèo, đang phát triển mà còn hiện diện ở cả những nước phát triển. Tình trạng LĐTE gây ra rất nhiều hậu quả xấu cho gia đình, xã hội, đặc biệt là cho trẻ em. Vấn nạn này đã làm cho nhiều trẻ phải bỏ học, có những em bị tàn phế về thể chất do phải lao động quá sức hoặc bị tai nạn lao động. Đã có nhiều em bị xâm hại tình dục, bị ngược đãi cả về thể chất và tinh thần làm ảnh hưởng đến tâm lý suốt đời.

Giống như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam hiện cũng đang phải đối mặt với vấn đề LĐTE. Tình trạng này diễn ra khá phổ biến ở khu vực kinh tế phi chính thức, nhất là trong ngành nông, lâm nghiệp. Đến nay, Chính phủ Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ với cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết vấn đề LĐTE. Việt Nam đã thiết lập được một hệ thống văn bản pháp lý để đáp ứng và xây dựng các chuẩn mực phù hợp với quy định của quốc tế về LĐTE, đồng thời cũng triển khai đồng bộ nhiều chương trình, dự án nhằm phòng ngừa và giảm thiểu tình trạng LĐTE.

Giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ tình trạng LĐTE đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực và sự phối hợp chặt chẽ của mọi cấp, mọi ngành, mọi thành phần trong xã hội, cụ thể là chính quyền các cấp, cán bộ bảo vệ trẻ em, nhà trường, cơ quan truyền thông, các tổ chức, đoàn thể xã hội, trong đó có Công đoàn Việt Nam. Với vai trò là một tổ chức đại diện để chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động nên Công Đoàn Việt Nam là một trong những tổ chức Chính trị-Xã hội có vị trí quan trọng trong cuộc đấu tranh loại bỏ LĐTE.

Bộ tài liệu *“Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em dành cho cán bộ Công đoàn”* được biên soạn nhằm giúp cán bộ Công đoàn các cấp nhận biết được bức tranh toàn diện về LĐTE cũng như lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE. Hơn thế nữa, Bộ tài liệu còn cung cấp những kiến thức, kỹ năng thiết yếu và những hướng dẫn cụ thể cho đội ngũ cán bộ Công đoàn các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở để giúp họ có thể tham gia sâu, rộng và đạt hiệu quả cao trong việc tham mưu, thúc đẩy và phối hợp thực hiện các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE ở Việt Nam.

Hy vọng rằng Bộ tài liệu *“Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em dành cho cán bộ Công đoàn”* sẽ đem lại nhiều hữu ích cho đội ngũ cán bộ Công đoàn, đặc biệt là các cán bộ Công đoàn cấp cơ sở trong công tác tham mưu, tổ chức và phối hợp thực hiện các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ LĐTE ở Việt Nam.

## ► Mục lục

---

|  |    |
|--|----|
| Lời nói đầu  | 3  |
| Những từ viết tắt  | 6  |
| <b>PHẦN I. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU</b>              | 7  |
| 1. Thông tin chung về tài liệu                                       | 8  |
| 2. Mục đích của bộ tài liệu  | 8  |
| 3. Đối tượng sử dụng bộ tài liệu                                     | 9  |
| 4. Cấu trúc và hướng dẫn sử dụng tài liệu                            | 9  |
| 5. Hướng dẫn sử dụng tài liệu  | 10 |
| <b>PHẦN II. TÌM HIỂU VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM</b>                          | 11 |
| <b>Bài 1. Những khái niệm và kiến thức cơ bản về lao động trẻ em</b> | 12 |
| 1.1. Các khái niệm cơ bản  | 12 |
| 1.2. Tình hình LĐTE trên Thế giới và ở Việt Nam                      | 14 |
| 1.3. Nguyên nhân LĐTE  | 16 |
| 1.4. Hậu quả của LĐTE  | 17 |
| <b>Bài 2. Những quy định pháp luật quốc tế về lao động trẻ em</b>    | 19 |
| 2.1. Tóm tắt hệ thống văn bản pháp luật Quốc tế về LĐTE              | 19 |
| 2.2. Các văn bản pháp luật Quốc tế quy định trực tiếp về LĐTE        | 19 |
| 2.2.1. Công ước số 138 - ILO   | 19 |
| 2.2.2. Công ước số 182 - ILO   | 22 |
| 2.2.3. Một số văn bản pháp luật quốc tế khác liên quan đến LĐTE      | 24 |
| <b>Bài 3. Những quy định pháp Việt Nam về lao động trẻ em</b>        | 26 |
| 3.1. Tóm tắt hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam về LĐTE             | 26 |
| 3.2. Những văn bản pháp luật quan trọng của Việt Nam về LĐTE         | 26 |
| 3.2.1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013                                   | 26 |
| 3.2.2. Luật Trẻ em năm 2016  | 27 |

---

|   |    |
|---|----|
| 3.2.3. Bộ luật lao động năm 2019  | 28 |
| 3.2.4. Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017                       | 28 |
| 3.2.5. Các Thông tư của Bộ LĐTBXH                                       | 29 |
| 3.2.6. Một số văn bản pháp luật khác có liên quan (Nghị định, quy định) | 29 |
| 3.3. Những quy định cụ thể của luật pháp Việt Nam về LĐTE               | 30 |
| Bài 4. Nhận diện lao động trẻ em  | 35 |
| 4.1. Các nhóm tiêu chí nhận diện LĐTE                                   | 35 |
| 4.2. Nhận diện LĐTE dựa trên các nhóm tiêu chí                          | 35 |
| 4.3. Tóm tắt các nhóm tiêu chí nhận diện LĐTE                           | 38 |
| <b>PHẦN III. CÔNG ĐOÀN VỚI HOẠT ĐỘNG PHÒNG NGỪA VÀ GIẢM THIỂU LĐTE</b>  | 39 |
| Bài 5. Vai trò công đoàn trong phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE            | 40 |
| Bài 6. Hướng dẫn công đoàn tham gia phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE       | 44 |
| <b>PHỤ LỤC</b>  | 54 |

## ► Những từ viết tắt

---

|                 |   |
|-----------------|---|
| <b>CĐ</b>       | Công đoàn   |
| <b>ENHANCE</b>  | Dự án Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực quốc gia phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE tại Việt Nam |
| <b>ILO</b>      | Tổ chức Lao động quốc tế  |
| <b>IPEC</b>     | Chương trình Quốc tế về xóa bỏ lao động trẻ em  |
| <b>HĐ</b>       | Hoạt động   |
| <b>LĐTE</b>     | Lao động trẻ em   |
| <b>LĐTBXH</b>   | Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội  |
| <b>TT-GD-TT</b> | Thông tin-Giáo dục-Truyền thông   |



# PHẦN I

## ▶ Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu

*Phần I sẽ giới thiệu xuất xứ ra đời, mục đích, mục tiêu và các nhóm đối tượng đích mà bộ tài liệu này hướng tới. Phần 1 cũng trình bày cấu trúc của bộ tài liệu và những hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu.*

## ► Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu

---

### 1. Thông tin chung về tài liệu

Bộ tài liệu *“Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE dành cho cán bộ Công đoàn”* được xây dựng trong khuôn khổ hợp tác giữa Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và “Dự án Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực quốc gia phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE tại Việt Nam (ENHANCE)” do Bộ Lao động Mỹ tài trợ. Mục tiêu tổng quát của dự án nhằm xây dựng và củng cố toàn diện, có hiệu quả với sự tham gia của nhiều bên liên quan để phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE ở Việt Nam.

Các nội dung của Bộ tài liệu này được xây dựng dựa trên bộ tài liệu **“Công đoàn và LĐTE”** do Dự án ILO/ACTRAV *Các Chiến lược của Công đoàn Quốc gia và Quốc tế nhằm Chống lại Lao động Trẻ em* (INT / 96 / M06 / NOR) xây dựng với sự tài trợ bởi Chính phủ Na Uy và những hướng dẫn của Chương trình Quốc tế về xóa bỏ LĐTE (IPEC/ILO).

Bộ tài liệu gồm hai quyển có tên chung là *“Tài liệu hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE dành cho cán bộ Công đoàn”* với hai phụ đề khác nhau: quyển số 1 có tên là *“Tài liệu cung cấp kiến thức”*; và quyển số 2 có tên là *“Tài liệu hướng dẫn giảng dạy dành cho giảng viên”*.

Quyển số 1: *“Tài liệu cung cấp kiến thức”* được biên soạn với mục đích cung cấp kiến thức và những hướng dẫn triển khai các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE cho đội ngũ cán bộ Công đoàn ở cấp cơ sở.

Quyển số 2: *“Tài liệu hướng dẫn giảng dạy dành cho giảng viên”* được xây dựng nhằm cung cấp những hướng dẫn cụ thể cho những giảng viên, tập huấn viên (sau đây thống nhất sử dụng thuật ngữ: “Giảng viên”) để giúp họ có thể dễ dàng chuyển tải tới học viên những nội dung được trình bày trong Quyển số 1.

### 2. Mục đích của bộ tài liệu

Mục đích biên soạn bộ tài liệu *“Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em dành cho cán bộ Công đoàn”* nhằm trang bị cho đội ngũ cán bộ Công đoàn các cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến vấn đề phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE, bao gồm cả các công ước quốc tế và luật pháp quốc gia. Bên cạnh đó, Bộ tài liệu còn cung cấp cho cán bộ Công đoàn các cấp, đặc biệt là Công đoàn cơ sở những hướng dẫn trong công tác tham mưu và tổ chức các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE, giúp họ có thể tham gia sâu, rộng hơn, và đạt hiệu quả cao trong việc thúc đẩy và phối hợp thực hiện các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE ở Việt Nam.

### 3. Đối tượng sử dụng bộ tài liệu

Nhóm đối tượng đích mà bộ tài liệu hướng tới là đội ngũ cán bộ Công đoàn nói chung, và đặc biệt là cán bộ Công đoàn cơ sở, những người trực tiếp triển khai thực hiện các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTĐ.

Các giảng viên, hướng dẫn viên, các nhà giáo dục, các nhà truyền thông, các cán bộ, cơ quan, tổ chức đang tham gia vào cuộc chiến phòng ngừa và xóa bỏ LĐTĐ ở Việt Nam cũng có thể sử dụng tài liệu này để tham khảo cho công việc của mình.

### 4. Cấu trúc và hướng dẫn sử dụng tài liệu

Quyển 1 gồm có 3 phần:

- **Phần I. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu:** Phần này giới thiệu mục đích, cấu trúc, cách sử dụng bộ tài liệu và đối tượng sử dụng bộ tài liệu.
- **Phần II. Tìm hiểu về LĐTĐ và những quy định pháp luật về LĐTĐ:** Đây là phần cơ sở của Bộ tài liệu, trong đó cung cấp những khái niệm của Quốc tế và Việt Nam về trẻ em, người chưa thành niên, về quyền trẻ em, LĐTĐ, v.v... Các bài học của Phần II còn cung cấp tóm tắt một bức tranh tổng thể về tình hình LĐTĐ trên thế giới và ở Việt Nam, phân tích nguyên nhân, hậu quả của LĐTĐ cũng như những lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu LĐTĐ. Trọng tâm của Phần II hướng tới việc giới thiệu những quy định luật pháp Quốc tế và Việt Nam về LĐTĐ, trên cơ sở đó cho phép xác định được những tiêu chí để nhận diện LĐTĐ. Phần II gồm ba bài học sau đây:
  - > Bài 1: Những khái niệm và Kiến thức cơ bản về LĐTĐ
  - > Bài 2: Những quy định luật pháp Quốc tế về LĐTĐ
  - > Bài 3: Những quy định luật pháp Việt Nam về LĐTĐ
  - > Bài 4: Nhận diện LĐTĐ
- **Phần III. Công đoàn với hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTĐ:** Đây là phần nội dung quan trọng nhất của bộ tài liệu nhằm cung cấp những hướng dẫn cho cán bộ Công đoàn, đặc biệt là cán bộ Công đoàn cơ sở khi tham mưu, xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTĐ. Phần III gồm các bài học sau:
  - > Bài 5: Công đoàn tham gia phòng ngừa và giảm thiểu LĐTĐ
- **Phần Phụ lục** sẽ cung cấp chi tiết nội dung các công ước quốc tế, các văn bản pháp luật, các Thông tư, Nghị định và các thông tin liên quan đến vấn đề LĐTĐ.

## 5. Hướng dẫn sử dụng tài liệu

- Cán bộ công đoàn cơ sở cần bổ sung kiến thức về LĐTE để tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE thì chỉ cần nghiên cứu quyển 1: **Tài liệu cung cấp kiến thức**.
- Nếu bạn là một Tập huấn viên thì cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng cả hai quyển của Bộ tài liệu này, bao gồm "*Tài liệu cung cấp kiến thức*" và "*Tài liệu hướng dẫn giảng dạy dành cho giảng viên*" để có được đầy đủ các kiến thức cơ bản về LĐTE, vai trò của Công đoàn và những hoạt động công đoàn cần và có thể làm để phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE, cũng như những phương pháp và kỹ năng cần thiết để tổ chức tập huấn, chuyển tải nội dung các bài học đến học viên một cách có hiệu quả.
- Nếu mục đích chỉ đơn thuần là hướng tới nâng cao kiến thức chung về LĐTE thì bạn chỉ cần thực hiện từ Bài 1 đến Bài 3 là đủ.
- Nếu mục đích là nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ công đoàn, đặc biệt là cấp cơ sở để họ nhận thức và tham gia phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em, trên cương vị là cán bộ Công đoàn, thì bạn phải thực hiện đủ toàn bộ các bài học có trong cuốn tài liệu này.

Điều quan trọng nhất là các cán bộ công đoàn cơ sở cần nắm vững và áp dụng toàn bộ các nội dung được gợi ý trong Bộ tài liệu, hoặc cũng có thể lựa chọn những nội dung phù hợp với cơ sở của mình để đáp ứng hiệu quả nhất cho công tác tham mưu và hành động nhằm phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE.

## PHẦN II

# ► Tìm hiểu về lao động trẻ em

*Các bài học sẽ giới thiệu những khái niệm của Quốc tế và Việt Nam về trẻ em, người chưa thành niên, về quyền trẻ em, LĐTE cũng như cung cấp các thông tin về tình hình LĐTE trên thế giới và ở Việt Nam, phân tích nguyên nhân, hậu quả, lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE.*

*Trọng tâm của Phần II là giới thiệu những quy định luật pháp Quốc tế và Việt Nam về LĐTE, trên cơ sở đó cho phép xác định được những tiêu chí để nhận diện LĐTE.*

*Phần II có ba bài học gồm:*

- Bài 1: Những khái niệm và Kiến thức cơ bản về LĐTE
- Bài 2: Những quy định luật pháp Quốc tế về LĐTE
- Bài 3: Những quy định luật pháp Việt Nam về LĐTE
- Bài 4: Nhận diện LĐTE

## BÀI 1

# ► Những khái niệm và Kiến thức cơ bản về Lao động trẻ em

### 1.1. Các khái niệm cơ bản

#### 1.1.1. Khái niệm về trẻ em

- **Quốc tế:** Theo Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em thì trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn (Điều 1 Công ước LHQ về Quyền Trẻ em).
- **Việt Nam:** Luật pháp Việt Nam quy định, trẻ em là người dưới mười sáu tuổi (Điều 1 Luật trẻ em năm 2016).

*Điều 1 Công ước Liên hợp quốc (LHQ) về Quyền trẻ em cho phép các Quốc gia thành viên của LHQ có thể quy định độ tuổi thành niên thấp hơn mức dưới 18 tuổi nên quy định của Việt Nam về trẻ em phù hợp với quy định Quốc tế.*

#### 1.1.2. Người chưa thành niên

Luật pháp Việt Nam quy định "Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi" (Khoản 1 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015).

#### 1.1.3. Quyền trẻ em

Quyền trẻ em là tất cả những gì trẻ em được hưởng, được làm, được tôn trọng và thực hiện để sống và lớn lên một cách lành mạnh, an toàn và phát triển toàn diện, được xác lập trong "Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (UNCRC)" (được Đại hội đồng LHQ thông qua năm 1989). Quyền trẻ em được xây dựng dựa trên quan điểm trẻ em là những thành viên của xã hội và mỗi người phải được hưởng các quyền của mình ngay từ khi bắt đầu được thụ thai và sinh ra. Những điều này được coi là những "Nguyên tắc chung" và những điều này giúp diễn giải tất cả các điều khác và đóng vai trò cơ bản trong việc hiện thực hiện tất cả các quyền trong Công ước dành cho tất cả trẻ em<sup>1</sup>. Những điều đó là:

- (1) Không phân biệt đối xử (Điều 2)
- (2) Lợi ích tốt nhất của trẻ (Điều 3)
- (3) Quyền tồn tại và phát triển cuộc sống (Điều 6)
- (4) Quyền được lắng nghe (Điều 12)

<sup>1</sup> <https://www.unicef.org/vietnam/vi/c%C3%B4ng-uc%C6%B0%E1%B-%9Bc-li%C3%AAn-h%E1%BB%A3p-qu%E1%BB%91c-v%E1%BB%81-quy%E1%BB%81n-tr%E1%BA%BB-em>

#### 1.1.4. Khái niệm về LĐTE

- a) **Quốc tế:** Theo ILO, đến nay chưa có một định nghĩa thống nhất về LĐTE cho tất cả các quốc gia. Không phải tất cả các việc trẻ em làm đều là LĐTE, việc đưa ra định nghĩa về LĐTE được dựa trên *hậu quả của nó* và bao gồm những công việc mà: (1) Gây nguy hại đến tinh thần, thể chất, đạo đức và phát triển xã hội của các em; và (2) Ảnh hưởng đến việc học tập của các em, bao gồm: (i) Tước đi cơ hội đến trường; (ii) Buộc các em rời trường học sớm; (iii) Buộc các em vừa đi học vừa lao động nặng nhọc và nhiều giờ. Do đó **khái niệm Lao động trẻ em** phản ánh việc trẻ em tham gia vào những công việc không được phép tham gia, và nói chung là: những công việc không được chấp nhận về mặt xã hội và đạo đức, cần được xoá bỏ thể theo luật pháp quốc gia, theo Công ước quy định Độ tuổi lao động tối thiểu của ILO năm 1973 (Công ước 138) và Công ước về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất năm 1999 (Công ước 182)<sup>2</sup>.
- b) **Việt Nam:** Pháp luật Việt Nam chưa có định nghĩa chính thức về LĐTE, nhưng Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật về LĐTE. Căn cứ vào pháp luật Quốc tế và Quốc gia, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) xác định LĐTE như sau: *“LĐTE được hiểu là trẻ em và người chưa thành niên làm các công việc trái quy định của pháp luật về lao động, tham gia lao động mà hoạt động lao động đó cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách và sự phát triển toàn diện của các em”<sup>3</sup>.*

#### 1.1.5. Lao động chưa thành niên

*“Lao động chưa thành niên là người lao động chưa đủ 18 tuổi” (Theo khoản 1 Điều 143 Bộ luật Lao động năm 2019).*

#### 1.1.6. Một số khái niệm cơ bản khác có liên quan đến LĐTE

- a) **Xâm hại trẻ em:** Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác (theo khoản 5, Điều 4 Bộ luật Trẻ em năm 2016).
- b) **Bóc lột trẻ em:** Bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi (theo khoản 7, Điều 4 Bộ luật Trẻ em năm 2016).

<sup>2</sup> LIO/IPEC

<sup>3</sup> Ở Việt Nam, Bộ LĐTB&XH, Tài liệu tập huấn về phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE (Dành cho giảng viên), 2018

## 1.2. Tình hình LĐTE trên Thế giới và ở Việt Nam

### a) Tình hình LĐTE trên thế giới<sup>4</sup>

Theo ước tính, đến năm 2020, trên thế giới có khoảng 160 triệu LĐTE, tăng 8 triệu trẻ em so với năm 2016. Trong số đó, 70% LĐTE hiện làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (tương đương 112 triệu trẻ), 20% làm việc trong lĩnh vực dịch vụ (31,4 triệu trẻ) và 10% làm việc trong lĩnh vực công nghiệp (16,5 triệu trẻ). Có gần 28% trẻ trong độ tuổi 5-11 và 35% trẻ trong độ tuổi 12-14 là LĐTE và không được đi học. Lao động trẻ em gặp ở các trẻ em trai phổ biến hơn trẻ em gái ở mọi lứa tuổi. Tỷ lệ lao động trẻ em ở khu vực nông thôn (14%) cao gần gấp ba lần khu vực thành thị (5%). Gần 50% số LĐTE này đang phải làm việc trong các điều kiện cực nhọc, nguy hiểm đến sức khỏe, sự an toàn và phẩm giá của bản thân<sup>5</sup>.

### b) Tình hình LĐTE ở Việt Nam<sup>6</sup>

Tình trạng LĐTE cũng đang tồn tại ở Việt Nam trong nhiều ngành nghề kinh tế và các địa phương khác nhau. Theo kết quả từ cuộc “Điều tra Quốc gia về LĐTE năm 2018” cho thấy, Việt Nam đang có 1.031.944 trẻ em từ 5-17 tuổi là LĐTE, chiếm 5,4% tổng dân số trẻ em từ 5 đến 17 tuổi (19.254.271 trẻ), có thể tóm tắt như bảng dưới đây:

► **Bảng 1: Quy mô và phân bố LĐTE ở Việt Nam**

| Khu vực   | Số trẻ em | Tỷ lệ (%) trên tổng số Trẻ em từ 5-17 tuổi | Theo giới tính (%) |        |
|-----------|-----------|--|--------------------|--------|
|           |           |  | Nam (%)            | Nữ (%) |
| Toàn quốc | 1.031.944 | 5,4%                                       | 59,0%              | 41,0%  |
| Thành thị | 161.621   | 2,6%                                       | 57,5%              | 42,5%  |
| Nông thôn | 870.323   | 6,6%                                       | 59,3%              | 40,7%  |

Trong số 1.031.944 LĐTE, có 41% là trẻ em gái, tỷ lệ còn lại là trẻ em trai. Phân bố theo khu vực địa lý cho thấy có tới trên 84% số LĐTE đang sống ở ở khu vực nông thôn.

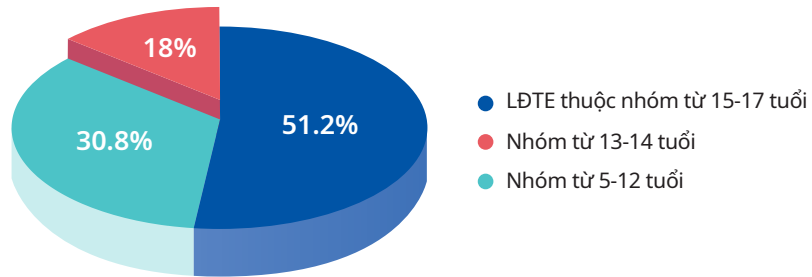
<sup>4</sup> ILO, Ước tính toàn cầu Lao động Trẻ em: Kết quả và Xu hướng 2012-2016

<sup>5</sup> ILO & UNICEF; Lao động trẻ em: Ước tính toàn cầu 2020, xu hướng và con đường phía trước

<sup>6</sup> ILO-TCTK-Bộ LĐ-TB&XH: Điều tra quốc gia về LĐTE năm 2018

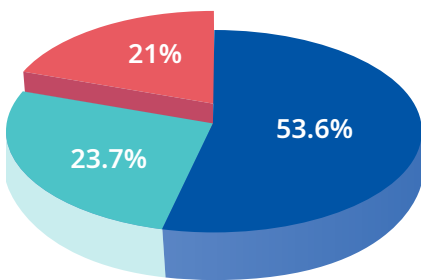


**Biểu đồ 1: Phân bố LĐTE theo nhóm tuổi**



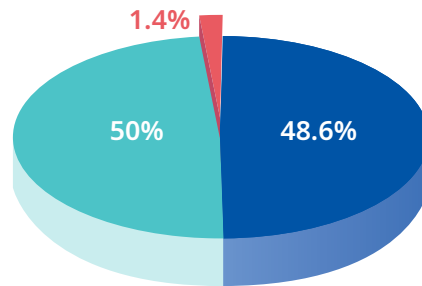
Tại thời điểm điều tra, có 89 công việc cụ thể có LĐTE đang làm việc, trong đó có 24 công việc thu hút 85,6% tổng số LĐTE. LĐTE cũng hạn chế khả năng tiếp cận trường học của trẻ.

**Biểu đồ 2: Phân bố LĐTE theo nhóm ngành nghề**



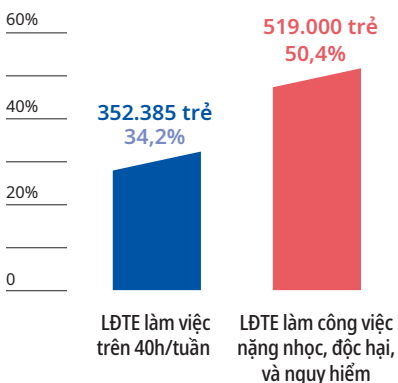
- LĐTE làm việc trong nông nghiệp
- Làm việc các ngành nghề dịch vụ
- Các ngành Công nghiệp, xây dựng

**Biểu đồ 3: Ảnh hưởng của LĐTE đến việc đi học của trẻ**

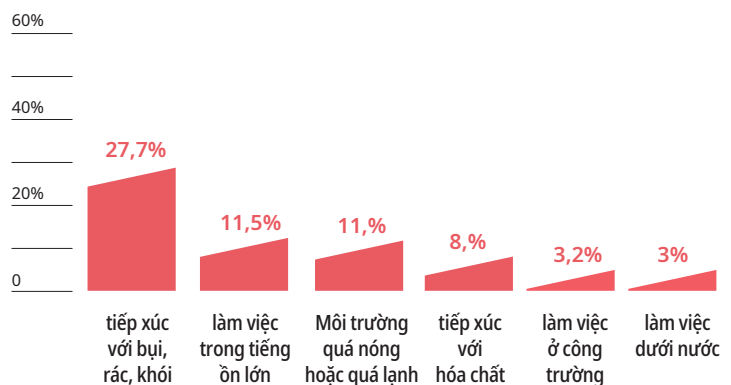


- LĐTE không đi học
- LĐTE chưa từng được đi học
- TE được đi học

**Biểu đồ 4: Tình trạng lao động nhiều giờ và lao động nặng nhọc, độc hại nguy hiểm ở trẻ em**



**Biểu đồ 5: Phân bố công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm ở LĐTE**



### 1.3. Nguyên nhân LĐTE

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến LĐTE, dưới đây là một số nguyên nhân phổ biến:

- a) **Do đói nghèo:** Mặc dù không phải là nguyên nhân duy nhất nhưng đói nghèo là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tình trạng LĐTE. Do vậy, để xóa bỏ LĐTE, cần phải biết được những nguyên nhân dẫn đến đói nghèo. Ở Việt Nam, có nhiều nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, trong đó phổ biến là:
  - > Nhóm nguyên nhân do điều kiện tự nhiên: khí hậu khắc nghiệt, thiên tai, bão lụt, hạn hán, sâu bệnh, đất đai cằn cỗi, địa hình phức tạp, giao thông khó khăn kìm hãm sản xuất.
  - > Nhóm nguyên nhân do chủ quan của người nghèo: thiếu kiến thức về cách làm ăn, thiếu vốn, đông con, thiếu lao động, không có việc làm, mắc các tệ nạn xã hội, lười lao động, ốm đau, rủi ro...
  - > Nhóm nguyên nhân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh: dịch HIV/AIDS, dịch COVID-19...
  - > Nhóm các nguyên nhân do cơ chế chính sách: Thiếu hoặc không đồng bộ về chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu vực khó khăn, chính sách khuyến khích sản xuất, vốn tín dụng, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, lâm, ngư, chính sách trong giáo dục đào tạo, y tế, giải quyết đất đai và nguồn lực đầu tư còn hạn chế.
- b) **Do bản thân trẻ em:** Một bộ phận nhỏ trẻ em có nhận thức/tâm lý muốn tự lập, thể hiện ở việc muốn đi làm, đi học nghề để tạo thu nhập cho bản thân.
- c) **Do cha mẹ:** Một bộ phận cha mẹ còn thiếu hiểu biết pháp luật về LĐTE, nhất là tại các làng nghề truyền thống. Họ có quan niệm rằng trẻ em cần phải làm việc sớm để “nên người”, hoặc đóng góp kinh tế cho gia đình, hoặc duy trì nghề truyền thống của gia đình. Cha mẹ không có quan tâm, giáo dục do khủng hoảng gia đình (bạo lực gia đình, cha mẹ ly hôn, cha mẹ lạm dụng rượu, ma túy, v.v...).
- d) **Do trẻ không có điều kiện tiếp cận với giáo dục:** do bố mẹ không đủ khả năng tài chính để cho con đi học tiếp, hoặc chương trình giáo dục thiếu phù hợp khiến cho một số trẻ em không thích đi học, học kém, trẻ cảm thấy đi học không có ích, hoặc trường xa không tiện đi học.
- e) **Do bất bình đẳng giới trong gia đình, cộng đồng:** điều này tạo ra sự phân biệt đối xử với trẻ em gái, đặc biệt trong vấn đề học tập, dẫn đến một số trẻ em gái phải nghỉ học sớm theo yêu cầu của bố mẹ để lao động kiếm sống.
- f) **Do thiếu hiểu biết về pháp luật và lòng tham của người sử dụng lao động:** khi sử dụng LĐTE, người sử dụng lao động dễ chi phối hơn, trả lương thấp hơn với cùng một công việc khi người lớn làm.

- g) **Do thiếu sự kiểm tra, giám sát và chế tài của cơ quan quản lý Nhà nước** trong quá trình thực thi chính sách, pháp luật về LĐTE (khu vực phi chính thức là khu vực có nhiều LĐTE còn chưa được quan tâm).

Kết quả từ cuộc “Điều tra Quốc gia về LĐTE năm 2018” của ILO và Bộ LĐTBXH cho thấy những nguyên nhân phổ biến của LĐTE ở Việt Nam như ở bảng dưới đây.

► **Bảng 2: Nguyên nhân dẫn đến LĐTE**

| TT | Nguyên nhân của LĐTE (ILO/Bộ LĐTBXH, 2018) | Theo giới tính (%) |
|----|--|--------------------|
| 1. | Tạo thu nhập cho bản thân                  | 9,3%               |
| 2. | Tạo thu nhập gia đình                      | 20,7%              |
| 3. | Muốn tham gia vào SXKD của hộ              | 27,3%              |
| 4. | Muốn học nghề/có nghề                      | 3,2%               |
| 5. | Không đi học                               | 6,7%               |
| 6. | Khác                                       | 1,1%               |
| 7. | Không xác định                             | 31,8%              |

#### 1.4. Hậu quả của LĐTE

LĐTE gây ra nhiều hậu quả cho trẻ em, gia đình và xã hội. Nhiều trường hợp là rất nghiêm trọng.

- a) Đối với bản thân trẻ em
- > Phải bỏ học sớm hoặc không được đi học hoặc đào tạo nghề;
  - > Ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài tới sức khỏe và sự phát triển thể chất
  - > Bị tổn thương về thể chất, thậm chí có thể bị tàn tật vĩnh viễn, hoặc ảnh hưởng đến tính mạng do tai nạn lao động và/hoặc bị bạo hành;
  - > Dễ bị sa ngã vào các tệ nạn xã hội, các hoạt động tội phạm;
  - > Dễ trở thành nạn nhân của buôn bán người, lạm dụng và bóc lột tình dục, lây nhiễm bệnh tật (HIV/AIDS, các bệnh xã hội...), gây hậu quả tổn thương tâm lý, tinh thần và đeo đẳng suốt quãng đời còn lại;
  - > Thiếu tự tin do không được quan tâm chăm sóc, vui chơi, nghỉ ngơi.

## b) Đối với gia đình, cộng đồng, xã hội:

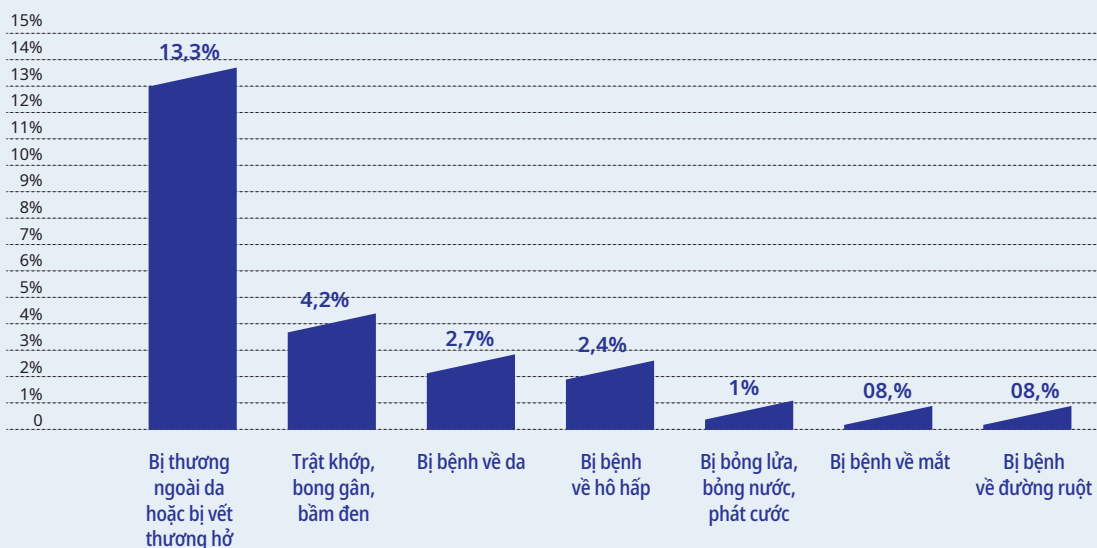
- > Tăng gánh nặng kinh tế cho gia đình, xã hội khi trẻ bị tai nạn, tổn thương, bị xâm hại hoặc bị buôn bán, từ đó làm gia tăng nghèo đói ở các gia đình, cộng đồng có LĐTE.
- > Nguy cơ mất trật tự, gây ra các vấn đề phức tạp cho xã hội khi trẻ bị sa ngã dễ mắc vào các tệ nạn xã hội;

## c) Đối với Quốc gia:

- > Tác động tiêu cực đến phát triển KT-XH khi (i) Chất lượng của nguồn nhân lực trong tương lai giảm; (ii) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm các điều khoản trong các hiệp định thương mại mới sử dụng LĐTE sẽ bị loại bỏ ra khỏi chuỗi cung ứng, hàng hóa bị tẩy chay, cấm xuất khẩu; (iii) Uy tín của ngành nghề, đất nước bị suy giảm khi vi phạm các điều khoản đã ký kết dẫn đến bị hạn chế các khoản hỗ trợ đầu tư từ nước ngoài;
- > Ảnh hưởng đến hệ thống an sinh xã hội.

**Biểu đồ 6: Phân bố tác động đến sức khỏe LĐTE theo nhóm bệnh**

Trẻ em lao động phải đối mặt với nhiều vấn đề sức khỏe và an toàn lao động. Mỗi trẻ em có thể gặp một hoặc nhiều nguy cơ. Dưới đây là minh họa những tác động nguy hại đến sức khỏe trẻ em khi phải tham gia lao động: Phân bố nhóm bệnh và tai nạn trên tổng số LĐTE bị mắc bệnh và/hoặc tai nạn do lao động.



(ILO-TCTK-Bộ LĐ-TB&XH: Điều tra quốc gia về LĐTE năm 2018)

## BÀI 2

# ► Những quy định pháp luật Quốc tế về Lao động trẻ em

### 2.1. Tóm tắt hệ thống văn bản pháp luật Quốc tế về LĐTE

Từ khi thành lập (năm 1919) đến nay, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã thông qua nhiều công ước đề cập đến phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, trong đó có hai công ước quan trọng nhất, đang có hiệu lực áp dụng là: (1) “Công ước về Tuổi lao động tối thiểu, 1973”, còn được gọi tắt là “Công ước số 138”; (2) “Công ước Nghiêm cấm và Hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức LĐTE tồi tệ nhất, 1999”, gọi tắt là Công ước số 182. Đây là hai Công ước nằm trong danh mục 8 điều ước cơ bản (fundamental conventions) của ILO.

Bên cạnh những công ước quan trọng đề cập ở trên, vấn đề xóa bỏ LĐTE còn được ILO đề cập trong “Tuyên bố về các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động” (Thông qua tại kỳ họp lần thứ 86 tại Genever tháng 6/1998) và “Tuyên bố Doanh nghiệp đa quốc gia của ILO, 1977” (Thông qua tại kỳ họp lần thứ 204 tại Genever tháng 11/1977). Ngoài ILO, vấn đề xóa bỏ LĐTE còn được đề cập trong một số văn kiện quốc tế về quyền con người do Liên hợp quốc thông qua từ năm 1945, trong đó tiêu biểu là Công ước về quyền trẻ em (1989).

Dưới đây sẽ giới thiệu chi tiết hơn những văn bản pháp luật quốc tế quan trọng, liên quan trực tiếp tới các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE:

1. Công ước số 138 của ILO
2. Công ước số 182 của ILO
3. Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, 1989

### 2.2. Các văn bản pháp luật Quốc tế quy định trực tiếp về LĐTE

#### 2.2.1. Công ước về Tuổi lao động tối thiểu, 1973 (Công ước số 138 của ILO)

Công ước 138 được Hội nghị toàn thể của Tổ chức Lao động Quốc tế thông qua ngày 26/7/1973 (kèm theo là Khuyến nghị số 146/ILO). Công ước có 18 điều được ban hành với mục đích nhằm ngăn cấm để trẻ em tham gia vào những công việc gây nguy hiểm cho sức khỏe, an toàn hoặc đạo đức của trẻ, những công việc ảnh hưởng đến giáo dục bắt buộc đối với trẻ em hoặc những công việc trẻ còn quá nhỏ để làm.

Công ước 138 yêu cầu<sup>7</sup> các quốc gia phải: (i) Xác định độ tuổi tối thiểu được tuyển dụng vào làm việc hoặc được tham gia lao động, và nâng dần độ tuổi tối thiểu được tuyển dụng vào làm việc hoặc được tham gia lao động tới độ tuổi mà thanh thiếu niên đạt được mức độ phát triển đầy đủ nhất về thể chất và trí lực (Điều 1); (ii) Xây dựng chính sách quốc gia để xóa bỏ hiệu quả LĐTE.

Công ước đưa ra những hướng dẫn cụ thể (Từ Điều 2 đến Điều 7) cho Chính phủ các nước có thể dựa vào đó để định nghĩa tuổi tối thiểu mà trẻ em được phép làm việc, gồm ba nhóm chính, cụ thể là:

- (1) **Tuổi lao động tối thiểu chung:** “Không được thấp hơn độ tuổi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc, và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được dưới 15 tuổi” (khoản 3, điều 2).
- (2) **Tuổi lao động tối thiểu áp dụng với các công việc có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của thanh thiếu niên:** “Mức tuổi lao động tối thiểu không được dưới 18 tuổi” (khoản 1, điều 3).
- (3) **Tuổi lao động tối thiểu với các công việc nhẹ:** được phép tuyển dụng hoặc tham gia lao động với những người từ 13 đến 15 tuổi. Những công việc nhẹ được hiểu là những công việc mà: (a) Không có khả năng gây tổn hại đến sức khỏe hoặc sự phát triển của các em; và (b) Không ảnh hưởng đến việc học tập, việc tham gia vào những chương trình hướng nghiệp hay đào tạo nghề đã được các nhà chức trách có thẩm quyền chấp thuận, hoặc những chương trình mà các em có khả năng tiếp thu (khoản 1, điều 7).

*Công ước 138 cũng đưa ra một số điều mà các chính phủ cần lưu ý:*

1. Những nước kém phát triển về kinh tế, giáo dục thì tuổi lao động tối thiểu chung có thể được phép từ 14 tuổi (nhưng không khuyến khích áp dụng) trong giai đoạn đầu. Nhưng trước khi quốc gia đưa ra quyết định mức tuổi này thì phải tham khảo ý kiến các tổ chức của người sử dụng lao động và của người lao động; và phải cho biết lý do tại sao lại đưa ra quyết định đó, đồng thời phải chỉ rõ đến thời điểm nào sẽ áp dụng mức tuổi 15 cho tuổi lao động tối thiểu chung (khoản 4,5 điều 2).

<sup>7</sup> Yêu cầu của Công ước 138 về xác định độ tuổi tối thiểu bắt nguồn từ Điều 32 (1)&(2) (a) của Công ước của Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em với quy định: “Các Quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kỳ công việc gì có thể nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức hay xã hội của trẻ (đoạn 1). Để đạt mục tiêu này, và tính đến những điều khoản thích hợp của những văn kiện quốc tế khác, các Quốc gia thành viên phải: Quy định một hay nhiều độ tuổi tối thiểu được tuyển dụng vào làm việc (đoạn 2 (a))”

- 
2. Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nguy hại (quy định tại Điều 3) là không được dưới 18 tuổi, quốc gia có thể đưa ra quyết định cho phép từ độ tuổi 16, với các điều kiện sau: (a) Phải tham khảo ý kiến các tổ chức hữu quan nếu có, của người sử dụng lao động và của người lao động; (b) Đảm bảo đầy đủ sự an toàn, phẩm hạnh cho trẻ, đồng thời, phải đảm bảo trẻ được dạy đi học hoặc đào tạo nghề trong ngành hoạt động tương ứng (*khoản 3, điều 3*).
  3. Đối với các công việc nhẹ nhàng, các quốc gia kém phát triển có thể áp dụng từ mức 12 tuổi (thay vì 14 tuổi như quy định) nhưng trước khi đưa ra quyết định mức tuổi này thì phải tham khảo ý kiến các tổ chức của người sử dụng lao động và của người lao động; và phải cho biết lý do tại sao lại đưa ra quyết định đó, đồng thời phải chỉ rõ đến thời điểm nào sẽ áp dụng mức tuổi 14 cho những công việc nhẹ nhàng (*khoản 3 và 4, điều 7*).
  4. Phạm vi áp dụng Công ước này ít nhất phải bao gồm: các ngành công nghiệp khai khoáng; các ngành công nghiệp chế tạo; xây dựng và các công trình công cộng; điện; khí đốt và nước; các dịch vụ vệ sinh y tế; vận tải; lưu giữ trong kho và giao thông; các đồn điền, các cơ sở nông nghiệp khai thác nhằm mục đích thương mại (*khoản 3, điều 5*).
  5. Công ước quy định không áp dụng cho một số trường hợp cụ thể như lao động do trẻ em làm trong các cơ sở giáo dục phổ thông, các trường lớp đào tạo nghề, Lao động ở các cơ sở tuân thủ theo đúng những điều kiện theo quy định của pháp luật với một số điều kiện khác có liên quan như phải tham khảo ý kiến các tổ chức hữu quan nếu có, của người sử dụng lao động và của người lao động; Nếu lao động đó là một bộ phận không tách rời của chương trình giáo dục, đào tạo nghề, hướng nghiệp (*Điều 6*).

Bảng dưới đây tóm tắt những quy định chính liên quan đến LĐTE của Công ước 138, như sau:

► **Bảng 3: Tóm tắt những quy định chính liên quan đến LĐTE của Công ước 138**

| TT | Tuổi lao động tối thiểu quy định tại công ước 138   | Quy định áp dụng chung cho mọi Quốc gia | Quy định ngoại lệ (cho các nước đang phát triển)                            |
|----|---|---|---|
| 1. | Tuổi lao động tối thiểu chung (Điều 2)  | Không được <15 tuổi                     | Không được <14 tuổi   |
| 2. | Tuổi lao động tối thiểu áp dụng với các công việc có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của thanh thiếu niên (Điều 3) | Không được <18 tuổi                     | Không được <16 tuổi (Nhưng phải đảm bảo sự an toàn và phẩm hạnh của trẻ em) |
| 3. | Tuổi lao động tối thiểu áp dụng với những công việc nhẹ nhàng (Điều 7)  | Từ 13 - 15 tuổi                         | Từ 12-14 tuổi   |

### 2.2.2. Công ước Nghiêm cấm và Hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức LĐTE tồi tệ nhất, 1999 (Công ước số 182, 1999-ILO)

Công ước 182 được Hội nghị toàn thể Tổ chức Lao động quốc tế thông qua ngày 17/6/1999 (kèm theo là Khuyến nghị số 190). Công ước bao gồm 16 điều trong đó yêu cầu các nước thành viên phê chuẩn Công ước tiến hành những biện pháp khẩn cấp và hiệu quả để đảm bảo việc nghiêm cấm và xóa bỏ các hình thức LĐTE tồi tệ nhất (điều 1).

Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất được quy định cụ thể tại Điều 3 của công ước, gồm có bốn (04) nhóm sau đây:

1. Mọi hình thức nô lệ hay tương tự nô lệ như buôn bán và vận chuyển trẻ em, gán nợ và lao động nô lệ và lao động cưỡng bức trong đó có tuyển mộ cưỡng bức trẻ em tham gia vào các xung đột vũ trang;
2. Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào hoạt động mại dâm, sản xuất các sản phẩm phim ảnh khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm;
3. Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt vào mục đích sản xuất và vận chuyển chất ma túy như được nêu tại các hiệp định quốc tế;



Những công việc mà tính chất hoặc các điều kiện của nó có thể xâm hại đến sức khỏe, an toàn và đạo đức của trẻ.

Đối tượng áp dụng của Công ước 182 là “Trẻ em”, theo đó công ước sẽ *áp dụng cho tất cả những người dưới 18 tuổi* (điều 2). Công ước cũng nhắc rõ, việc xác định “*Những công việc mà tính chất hoặc các điều kiện của nó có thể xâm hại đến sức khỏe, an toàn và đạo đức của trẻ*” (trình bày tại khoản 4 điều 3) sẽ do quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền đưa ra sau khi đã có sự tham khảo ý kiến các tổ chức người lao động và người sử dụng lao động, và tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời cũng phải định kỳ xem xét, sửa đổi danh mục các công việc nguy hại khi cần thiết.

Công ước cũng thúc đẩy các quốc gia xây dựng chương trình hành động nhằm ưu tiên xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (điều 6), trong đó hướng tới năm nhóm vấn đề lớn được Khuyến nghị 190 (ban hành kèm theo công ước) để cập đến, gồm:

1. Xác định hủy bỏ những hình thức LĐTE tồi tệ nhất
2. Ngăn chặn việc đưa trẻ em tham gia vào, hoặc đưa trẻ em ra khỏi những hình thức LĐTE tồi tệ nhất, bảo vệ các em khỏi những hành động trả thù và giúp các em phục hồi và hoà nhập xã hội.
3. Các nhóm đối tượng đích cần đặc biệt chú ý tới là: (i) Những em ở lứa tuổi nhỏ hơn; (ii) Trẻ em gái; (iii) Những nơi làm việc được giấu kín mà trẻ em gái đặc biệt gặp nguy cơ cao; (iv) Những trẻ em khác có nguy cơ bị tổn thương cao hoặc có nhu cầu đặc biệt.
4. Xác định và triển khai ở các cộng đồng mà ở đó trẻ em có rủi ro; và
5. Cung cấp thông tin, làm gia tăng độ quan tâm nhằm huy động công luận và các nhóm liên quan khác bao gồm trẻ em và gia đình của các em.

Khuyến nghị 190 cũng lưu ý những khía cạnh cần được xem xét khi xác định những công việc hoặc các điều kiện có thể xâm hại đến sức khỏe, an toàn và đạo đức của trẻ” (khoản d, điều 3 công ước), đó là: (i) Công việc khiến trẻ em dễ bị lạm dụng về thể chất, tâm lý hay tình dục; (ii) Công việc dưới mặt đất, dưới nước, ở các độ cao nguy hiểm, trong không gian bị tù hãm; (iii) Công việc tiếp xúc với các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ nguy hiểm hoặc phải dùng sức để xử lý, hoặc vận chuyển những khối hàng nặng; (iv) Công việc trong môi trường có hại cho sức khỏe (hóa chất, tiếng ồn, nhiệt độ, độ rung...); (v) Công việc phải làm trong nhiều giờ liền, làm việc vào ban đêm hoặc khiến trẻ em bị giam hãm vô lý tại địa điểm của người sử dụng lao động).

Công ước 182 ra đời nhằm bổ trợ cho Công ước số 138, bằng cách xác định những ưu tiên trong hành động phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE, tập trung xoá bỏ những

hình thức LĐTE tồi tệ nhất. Hai Công ước có sự liên kết với nhau trong một mục đích chung là giải quyết vấn đề LĐTE. Do vậy, một quốc gia khi tham gia Công ước 182 sẽ không bị yêu cầu phải sửa đổi, thay thế hoặc gây bất kỳ ảnh hưởng gì đến việc phê chuẩn hoặc thực hiện Công ước 138.

### 2.2.3. Một số văn bản pháp luật quốc tế khác liên quan đến LĐTE<sup>8</sup>

#### a) Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (UNCRC)

Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (UNCRC)<sup>8</sup> được Đại hội đồng LHQ thông qua năm 1989 với 54 điều khoản trong đó tuyên bố đầy đủ, toàn diện về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa mà tất cả trẻ em ở khắp mọi nơi trên thế giới đều được hưởng với mục đích đảm bảo sự sống còn, phát triển toàn diện và bảo vệ trẻ em trước những nguy cơ xâm hại. Về cơ bản Quyền trẻ em được chia thành bốn (04) nhóm chính: (1) *Quyền sống còn*: là quyền của trẻ được sống và được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản để giúp trẻ tồn tại, bao gồm mức sống đầy đủ, có nơi ở, đủ dinh dưỡng và được chăm sóc sức khỏe; (2) *Quyền phát triển*: bao gồm những quyền nhằm mục đích cải thiện chất lượng cuộc sống của trẻ em và đảm bảo trẻ em có thể đạt được tiềm năng tối đa của sự phát triển bao gồm thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức, và xã hội; (3) *Quyền được bảo vệ*: trẻ em được pháp luật bảo vệ khỏi mọi tình huống ảnh hưởng đến sự sống còn và phát triển, bao gồm cả việc chăm sóc trẻ tạm thời hoặc vĩnh viễn mất môi trường gia đình, bảo vệ khỏi bị bóc lột sức lao động, bị xâm hại tình dục, mua bán và bị lạm dụng ma túy, bảo vệ khỏi ảnh hưởng của các cuộc xung đột vũ trang, những tình trạng khẩn cấp do con người hoặc thiên tai gây nên; và (4) *Quyền tham gia*: Quy định trẻ em phải được tạo mọi điều kiện tham gia để đảm bảo vai trò tích cực đối với cộng đồng và môi trường các em sống; bao gồm quyền được tự do bày tỏ ý kiến, đóng góp tiếng nói vào những vấn đề liên quan đến cuộc sống của trẻ.

Các quyền trẻ em được nêu trong Công ước đều trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần bảo vệ trẻ em khỏi bị lạm dụng và bóc lột, tuy nhiên quan trọng nhất là các quyền được ghi nhận trong các điều từ 28 đến 34. Đặc biệt, Điều 32 của Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên thực thi các biện pháp cần thiết để “Bảo vệ khỏi bị bóc lột về kinh tế, và không phải làm bất kỳ công việc gì nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức hay xã hội của trẻ em”, trong đó bao gồm việc quy định một hay nhiều mức tuổi lao động tối thiểu trên cơ sở tính đến những tiêu chuẩn quốc tế khác có liên quan (hàm ý các điều ước quốc tế của ILO).

Bên cạnh đó, Liên hợp quốc cũng đã thông qua hai Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về quyền trẻ em, gồm “*Nghị định thư về buôn bán trẻ em, mại dâm*

<sup>8</sup> ILO, tài liệu tập huấn về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

---

trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em” và “Nghị định thư về việc sử dụng trẻ em trong xung đột vũ trang”. Hai Nghị định thư bổ sung này đề cập đến việc xóa bỏ hai trong số những dạng LĐTE tồi tệ nhất là sử dụng trẻ em trong hoạt động chiến tranh và buôn bán, xâm hại tình dục trẻ em.

***b) “Tuyên bố về các nguyên tắc và quyền Cơ bản trong Lao động” và cơ chế theo dõi thực hiện Tuyên bố (ILO, 1998)***

Tuyên bố được Hội nghị toàn thể Tổ chức Lao động quốc tế lần thứ 86 tại Genever thông qua (tháng 6/1998). Đây là một cam kết được ILO và các Quốc gia thành viên khẳng định để tôn trọng, thúc đẩy và ghi nhận bốn nguyên tắc và quyền cơ bản sau đây: (a) Tự do liên kết và công nhận hiệu quả quyền thương lượng tập thể; (b) Loại bỏ tất cả các hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc; (c) Loại bỏ LĐTE, cấm những hình thức LĐTE tồi tệ nhất; và (d) Không phân biệt đối xử trong lao động và nghề nghiệp. Trong đó, Nguyên tắc thứ ba quan trọng đối với các Quốc gia thành viên đã tự mình cam kết xóa bỏ LĐTE, không kể đến mức độ phát triển kinh tế của các nước đó, giá trị văn hoá, lịch sử hoặc số lượng các công ước của ILO mà các nước này đã phê chuẩn. Nó là một công cụ quốc tế duy nhất, đồng thời còn có một nghĩa vụ đối với các nước đòi hỏi sự hỗ trợ để thực hiện các cam kết của mình trong hợp tác xóa bỏ LĐTE.

***c) “Tuyên bố ba bên về những nguyên tắc liên quan đến các Doanh nghiệp đa quốc gia và Chính sách xã hội”***

“Tuyên bố ba bên về những nguyên tắc liên quan đến các Doanh nghiệp đa quốc gia và Chính sách xã hội” (ILO’s MNE Declaration) được Hội đồng Quản trị của Văn phòng Lao động Quốc tế thông qua tại kỳ họp lần thứ 204 tại Genever diễn ra vào tháng 11/1977. Trong Tuyên bố có nội dung đề cập đến trách nhiệm của các doanh nghiệp đa quốc gia trong việc xóa bỏ LĐTE, cụ thể, Tuyên bố kêu gọi các doanh nghiệp đa quốc gia cần (i) Tôn trọng tuổi tối thiểu được nhận vào làm việc, nhằm đảm bảo xóa bỏ lao động trẻ em một cách hiệu quả; và (ii) Có biện pháp tức thì và hiệu quả trong phạm vi thẩm quyền của mình để đảm bảo việc nghiêm cấm và xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (điều 36).

**BÀI 3****► Những quy định pháp luật Việt Nam về Lao động trẻ em****3.1. Tóm tắt hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam về LĐTE**

Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em là chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam từ khi thành lập đến nay. Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam năm 1946 đã quy định: “Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dỡng” (Điều 14). Quy định này được tái khẳng định và cụ thể hoá trong tất cả các bản Hiến pháp sửa đổi năm 1959, 1980, 1992, 2013. Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong đó có loại trừ LĐTE cũng được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm. Việt Nam cũng là quốc gia đầu tiên ở châu Á và thứ hai trên thế giới phê chuẩn tham gia công ước quốc tế về Quyền trẻ em và sớm tham gia các Nghị định thư bổ sung Công ước về quyền trẻ em cũng như các công ước quốc tế về LĐTE (Công ước số 138 và Công ước số 182). Đây hiện là những văn bản luật pháp quốc tế quan trọng nhất, liên quan trực tiếp đến phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE. Trên cơ sở đó, Chính phủ Việt Nam đã thiết lập được hệ thống các văn bản pháp luật Quốc gia nhằm giảm thiểu và xóa bỏ tình trạng LĐTE. Dưới đây là danh mục các văn bản pháp luật quan trọng đã được ban hành, có hiệu lực thi hành:

1. Hiến pháp 2013 (Điều 37)
2. Luật Trẻ em năm 2016
3. Bộ luật lao động năm 2019
4. Bộ luật hình sự năm 2017
5. Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH
6. Một số văn bản pháp luật khác có liên quan (Nghị định, quy định).

Dưới đây sẽ giới thiệu tóm tắt những văn bản pháp luật của Chính phủ Việt Nam về vấn đề LĐTE.

**3.2. Những văn bản pháp luật quan trọng của Việt Nam về LĐTE****3.2.1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013**

Hiến pháp Việt Nam năm 2013 đã quy định rõ về vấn đề LĐTE, cụ thể là “*Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em*” (Khoản 1, Điều 37).

### 3.2.2. Luật Trẻ em năm 2016

Luật Trẻ em 2016 được ban hành ngày 5/4/2016 (có hiệu lực từ ngày 1/7/2017) nhằm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, đảm bảo sự sống còn và phát triển toàn diện cho trẻ. Luật quy định, trẻ em là người dưới 16 tuổi (Điều 1).

Đối với vấn đề LĐTE, Luật trẻ em năm 2016 cũng đưa ra các quy định nhằm loại bỏ vấn đề này, theo đó, *“Trẻ em phải được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động, không phải lao động trước tuổi, lao động quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc làm công việc, làm tại nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ”* (Điều 26).

Luật quy định 25 nhóm quyền của trẻ em, trong đó có những quyền có tác động trực tiếp tới việc bảo vệ trẻ em khỏi bị rơi vào hoàn cảnh LĐTE như quyền được sống chung với cha, mẹ; quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi; quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục, không bị bóc lột sức lao động, không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc, không bị mua, bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; quyền được đảm bảo an sinh xã hội; quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn... Bên cạnh đó, Luật cũng quy định những nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (nhóm trẻ em có nguy cơ cao trở thành LĐTE), gồm: trẻ em bị tổn hại thể chất và tinh thần do bị bạo lực; trẻ em bị bóc lột; trẻ em bị mua bán; trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

Luật Trẻ em 2016 cũng nghiêm cấm những hành vi gây tổn hại đến trẻ em, bao gồm cả hành vi liên quan đến vấn đề LĐTE như: Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em; Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn; Sử dụng, rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật...; Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình; Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, v.v...(Điều 6).

Luật Trẻ em 2016 cũng đưa ra những quy định cụ thể các cấp độ bảo vệ trẻ em (phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp) và trách nhiệm thực hiện của các bên liên quan; các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng, v.v... Những quy định này cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ giải quyết vấn đề LĐTE.

### 3.2.3. Bộ luật lao động năm 2019

Bộ Luật lao động sửa đổi năm 2019 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20/11/2019. Bộ luật dành các điều từ 143-147 của toàn bộ Mục 1, Chương XI để quy định về vấn đề “Lao động chưa thành niên”. Cụ thể:

- Điều 143. Lao động chưa thành niên;
- Điều 144. Nguyên tắc sử dụng lao động chưa thành niên;
- Điều 145. Sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc;
- Điều 146. Thời giờ làm việc của người chưa thành niên;
- Điều 147. Công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.

Một bước tiến bộ rất quan trọng của Bộ Luật Lao động năm 2019 là việc mở rộng đối tượng điều chỉnh của luật đối với cả người lao động CÓ quan hệ lao động và người lao động KHÔNG CÓ quan hệ lao động ở các khu vực kinh tế chính thức và khu vực kinh tế phi chính thức. Việc mở rộng đối tượng điều chỉnh này góp phần rất lớn trong phòng ngừa, bảo vệ và xóa bỏ LĐTE bởi phần lớn LĐTE nằm trong khu vực kinh tế phi chính thức.

Bộ Luật lao động 2019 đã quy định các nguyên tắc và nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi tuyển dụng, sử dụng người lao động chưa thành niên, các công việc, nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên cũng như thời giờ làm việc của người chưa thành niên (đối với những công việc được phép làm).

### 3.2.4. Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017

Việc sử dụng trẻ em lao động không đúng quy định của pháp luật cũng được đưa vào Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017); trong đó có hai điều quy định hình phạt cho các tội danh vi phạm sử dụng người lao động là trẻ em tại: (i) Điều 296: tội “Vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi”; và (ii) Điều 297: Tội “Cưỡng bức lao động”.

Theo điều 296, người sử dụng lao động không được sử dụng người dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định. Vi phạm quy định tại điều luật này sẽ bị phạt tiền từ 30 triệu 200 triệu đồng, thậm chí sẽ bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 10 năm, tùy thuộc mức độ vi phạm của người sử dụng lao động (khoản 1,2,3 điều 296).

Tội cưỡng bức lao động trẻ em cũng bị nghiêm trị, cụ thể người cưỡng bức trẻ em dưới 16 tuổi lao động sẽ bị phạt tù từ 3-7 năm, tùy thuộc mức độ nghiêm trọng đã gây ra cho trẻ trong quá trình cưỡng bức trẻ lao động.

### 3.2.5. Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH

Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH ban hành ngày 12/11/2020, có hiệu lực từ ngày 15/3/2021. Thông tư đưa ra những quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về lao động chưa thành niên. Thông tư có hai nhóm quy định chính:

- (i) **Sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc; bao gồm quy định về:**
  - > Điều kiện sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc
  - > Giao kết hợp đồng lao động để sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc
  - > Thẩm quyền đồng ý việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc
  - > Hồ sơ đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc
  - > Trình tự, thủ tục đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc
- (ii) **Danh mục nghề, công việc, nơi làm việc áp dụng đối với lao động chưa thành niên; bao gồm quy định về:**
  - > Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm
  - > Danh mục công việc, nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên
  - > Danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm

*(Chi tiết xem tại phụ lục của tài liệu)*

### 3.2.6. Một số văn bản pháp luật khác có liên quan (Nghị định, quy định)

#### 3.2.6.1. Nghị định 95/2013/NĐ-CP<sup>9</sup>

Nghị định 95/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; theo đó Nghị định vi phạm về sử dụng lao động là người chưa thành niên sẽ có mức phạt vi phạm hành chính từ 10-25 triệu đồng (tùy theo mức độ vi phạm).

<sup>9</sup> Xem toàn văn tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Ng-hi-dinh-95-2013-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-lao-dong-bao-hiem-xa-hoi-205242.aspx>

Các hành vi vi phạm hành chính khi sử dụng LĐ chưa thành niên tập trung ở các nhóm sau: (1) Không lập sổ theo dõi riêng; (2) Không ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật; (3) Yêu cầu làm việc quá thời giờ làm việc quy định; (4) Yêu cầu làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm; (5) Làm công việc, tại nơi làm việc bị cấm; (6) Làm công việc ngoài danh mục được pháp luật cho phép.

### **3.2.6.2. Nghị định 144/2013/NĐ-CP**<sup>10</sup>

Nghị định 144/2013/NĐ-CP quy định xử phạt các vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em, trong đó có mức xử phạt cao nhất là 50 triệu đồng kèm theo những chế tài khác. Những hành vi bị xử phạt gồm các nhóm: (1) Bắt trẻ em làm công việc quá sức, quá thời gian, ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi, giải trí và sự phát triển của trẻ; (2) Sử dụng trẻ để mua, bán, vận chuyển hàng hóa trái phép; (3) Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ học, nghỉ học; (4) Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ bỏ nhà đi lang thang; (5) Ép buộc trẻ đi lang thang kiếm sống, trục lợi; (6) Tổ chức, sử dụng trẻ để xin ăn; (7) Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em tham gia phục vụ đánh bạc, sử dụng chất ma túy; (8) Đưa hình ảnh của trẻ em vào sản phẩm văn hóa, thông tin, truyền thông có nội dung khiêu dâm, bạo lực, kinh dị.

### **3.2.6.3. Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT**<sup>11</sup>

Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT ban hành ngày 9/12/2004 về Hướng dẫn, quy định danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng người lao động dưới 18 tuổi trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm. Thông tư quy định các công việc và vị trí làm việc cụ thể mà trẻ em dưới 18 tuổi không được làm tại bốn nhóm gồm: (1) Dịch vụ lưu trú; (2) Dịch vụ văn hoá; (3) Dịch vụ trị liệu phục hồi sức khoẻ; (4) Dịch vụ khác (tắm nóng lạnh, hớt tóc, gội đầu thư giãn, cơ sở kinh doanh vận chuyển khách du lịch, lễ hành).

## **3.3. Những quy định cụ thể của luật pháp Việt Nam về LĐTE**

### **3.3.1. Về độ tuổi lao động**

**Độ tuổi lao động tối thiểu chung** của người lao động Việt Nam là từ **đủ 15 tuổi**, được quy định tại Khoản 2, Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019.

<sup>10</sup> Xem toàn văn tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Ng-hi-dinh-144-2013-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-bao-tro-cuu-tro-xa-hoi-bao-ve-cham-soc-tre-em-211363.aspx?tab=7>

<sup>11</sup> Xem toàn văn tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/-Thong-tu-lien-tich-21-2004-TTLT-BLDTBXH-BYT-huong-dan-danh-muc-cho-lam-viec-khong-duoc-su-dung-lao-dong-duoi-18-tuoi-de-hoat-dong-mai-dam-52648.aspx>



**Độ tuổi lao động tối thiểu áp dụng với các công việc có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của trẻ được quy định là không được dưới 18 tuổi, được quy định tại khoản 2 điều 143, và điều 147 Bộ luật lao động 2019.**

**Độ tuổi lao động tối thiểu áp dụng với những công việc nhẹ nhàng là từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi, được quy định tại khoản 3 điều 143.**

Như vậy có thể thấy, về cơ bản, luật pháp Việt Nam đã thống nhất với quy định về độ tuổi lao động theo công ước 138 của ILO, cụ thể như bảng dưới đây:

| TT       | ▶ Bảng 4: Quy định theo công ước 138  |                                |   | Quy định của luật pháp Việt Nam  |
|----------|---|--------------------------------|---|--|
|          | Tuổi lao động tối thiểu   | Áp dụng chung cho mọi Quốc gia | Quy định ngoại lệ (cho các nước đang phát triển)                            |  |
| 1.       | Tuổi lao động tối thiểu chung (Điều 2)  | Không được <15 tuổi            | Không được <14 tuổi   | Đủ 15 tuổi   |
| 2.<br>3. | Tuổi lao động tối thiểu áp dụng với các công việc có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của thanh thiếu niên (Điều 3) | Không được <18 tuổi            | Không được <16 tuổi (Nhưng phải đảm bảo sự an toàn và phẩm hạnh của trẻ em) | Không được sử dụng lao động chưa thành niên (người lao động < 18 tuổi) |
|          | Tuổi lao động tối thiểu áp dụng với những công việc nhẹ nhàng (Điều 7)  | Từ 13 - 15 tuổi                | Từ 12-14 tuổi   | Từ đủ 13 tuổi đến < 15 tuổi  |

### 3.3.2. Về thời giờ làm việc

Thời giờ làm việc của người lao động chưa thành niên được quy định tại Điều 146 Bộ luật Lao động năm 2019, theo hai nhóm tuổi:

- **Người chưa đủ 15 tuổi:** không được quá 04 giờ/01 ngày và/hoặc trên 20 giờ trong 01 tuần; không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

- **Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi:** không được quá 08 giờ/ngày và/hoặc quá 40 giờ/tuần. Có thể làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề, công việc quy định tại Phụ lục V, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH

### 3.3.3. Về công việc

Với người lao động chưa thành niên, luật pháp Việt Nam quy định là chỉ được sử dụng vào những công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của trẻ (khoản 1, điều 144). Không được làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc nơi làm việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của trẻ. Cụ thể:

- **Với người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi:** không được làm những công việc và tại nơi làm việc được quy định tại Điều 147 Luật lao động 2019 và Phụ lục III (Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên), Phụ lục IV (Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên), Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.
- **Với người lao động từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi:** (1) Được phép làm những công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH; (2) Được phép làm những công việc quy định tại Phụ lục II (Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm) của Thông tư số Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH.
- **Với trẻ em dưới 13 tuổi:** Được phép làm những công việc quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH (những công việc như diễn viên, vận động viên năng khiếu: múa; hát; xiếc; sân khấu kịch, thể dục dụng cụ, bơi lội, bóng bàn... nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của trẻ và phải có sự đồng ý của sở LĐTBXH).

### 3.3.4. Về các điều kiện khác

Luật Lao động năm 2019 cũng quy định khi sử dụng người lao động chưa thành niên, người sử dụng lao động phải có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ, lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm; đồng thời phải quan tâm, chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện cho trẻ được học văn hóa, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Điều 144). Luật 2019 còn quy định cụ thể trong trường hợp sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc, theo đó người sử dụng lao động phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với trẻ và người đại diện theo pháp luật của trẻ; bố trí giờ làm việc không ảnh

hưởng đến thời gian học tập của trẻ, phải có giấy xác nhận sức khỏe của trẻ phù hợp với công việc và phải kiểm tra sức khỏe định kỳ ít cho trẻ nhất một lần trong 06 tháng; đồng thời cũng phải đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi (Điều 145).

### 3.3.5. Quy định về những điều cấm liên quan đến LĐTE của luật pháp Việt Nam tương thích với quy định của luật pháp quốc tế

► **Bảng 5: Sự phù hợp của luật pháp Việt Nam với luật pháp Quốc tế về LĐTE**

| TT | Những quy định cấm trong các điều ước quốc tế  | Pháp luật Việt Nam   |
|----|--|--|
| 1. | Quy định cấm lao động trẻ em nói chung ( <i>Điều 32 Công ước về quyền trẻ em; Điều 2 Công ước số 138, Điều 3 Công ước số 182</i> )   | <p>Xác nhận quyền trẻ em không bị xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động” (Khoản 1, Điều 37, Hiến pháp Việt Nam năm 2013)</p> <p>Quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột sức lao động (Điều 26, Luật Trẻ em 2016)</p> <p>Các hành vi liên quan đến LĐTE bị nghiêm cấm (Điều 6, Luật Trẻ em 2016)</p> <p>Quy định về lao động chưa thành niên (Điều 143-147 Bộ luật Lao động 2019)</p> <p>Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi (Điều 296, Bộ luật Hình sự 2015)</p> |
| 2. | <b>Điểm a Điều 3 Công ước số 182 (Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất):</b> Cấm và xoá bỏ mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ như buôn bán và vận chuyển trẻ em, gán nợ và lao động nô lệ và lao động cưỡng bức trong đó có tuyển mộ cưỡng bức trẻ em tham gia vào các xung đột vũ trang () | <p>Nghiêm cấm các hành vi: Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em (Điều 6 Luật Trẻ em 2016)</p> <p>Các tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151 BLHS 2015) và tội cưỡng bức lao động (Điều 297 BLHS 2015 - bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 16 tuổi)</p> <p>Độ tuổi gọi nhập ngũ là đủ 18 tuổi (Điều 30 Luật Nghĩa vụ quân sự 2016)</p>   |

| TT | Những quy định cấm trong các điều ước quốc tế   | Pháp luật Việt Nam  |
|----|---|---|
| 3. | <p><b>Điểm b Điều 3 Công ước số 182 (Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất):</b> Nghiêm cấm và xoá bỏ mọi hình thức sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào hoạt động mại dâm, sản xuất các sản phẩm phim ảnh khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm</p>  | <p>Nghiêm cấm các hành vi Xâm hại tình dục</p> <p>Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147)</p> <p>Các tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy (Điều 326); Tội chứa mại dâm (Điều 327)</p> <p>Tội môi giới mại dâm (Điều 328, Bộ luật Hình sự 2015) bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi</p>   |
| 4. | <p><b>Điểm c Điều 3 Công ước số 182 (Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất):</b> Nghiêm cấm và xoá bỏ mọi hình thức sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt vào mục đích sản xuất và vận chuyển chất ma túy như được nêu tại các hiệp định quốc tế</p> | <p>Nghiêm cấm các hành vi Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em; lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em (Điều 6 Luật Trẻ em 2016)</p> <p>Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258, Bộ luật Hình sự 2015) bị coi là tình tiết tăng nặng nếu phạm tội với người dưới 18 tuổi)</p> <p>Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp (Điều 325, Bộ luật Hình sự 2015)</p> |
| 5. | <p><b>Điểm d Điều 3 Công ước số 182 (Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất):</b> Nghiêm cấm và xoá bỏ những công việc mà tính chất hoặc các điều kiện của nó có thể xâm hại đến sức khoẻ, an toàn và đạo đức của trẻ</p>   | <p>Điều 146 quy định thời giờ làm việc của người lao động chưa thành niên</p> <p>Điều 147 Luật lao động 2019 quy định</p> <p>Công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi</p> <p>Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH</p>   |

## BÀI 4

### ► Nhận diện lao động trẻ em

#### 4.1. Các nhóm tiêu chí nhận diện LĐTE

Không phải công việc nào do trẻ em thực hiện cũng đều coi là LĐTE. Hàng ngày, có rất nhiều người dưới 18 tuổi vẫn đang làm những công việc phù hợp với các quy định của pháp luật Quốc tế và trong nước không bị coi là LĐTE. Bởi vậy, việc nhận diện LĐTE là quan trọng đối với những người tham gia vào hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE, những người có liên quan đến sử dụng lao động chưa thành niên, trong đó có đội ngũ cán bộ Công đoàn cơ sở.

Dựa trên luật pháp Quốc tế (Công ước số 138 và số 182 của ILO) và các quy định luật pháp của Việt Nam, có bốn (4) nhóm tiêu chí để nhận diện LĐTE, gồm:

- Độ tuổi và thời giờ làm việc
- Loại công việc
- Nơi làm việc và điều kiện làm việc
- Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất

#### 4.2. Nhận diện LĐTE dựa trên các nhóm tiêu chí

Nhận diện LĐTE được căn cứ trên bốn nhóm tiêu chí. Theo đó:

Một người chưa thành niên sẽ được coi là LĐTE nếu rơi vào bất kỳ một hoặc nhiều hơn một tiêu chí trong các nhóm tiêu chí dưới đây:

#### 4.2.1. Nhóm tiêu chí thứ nhất. ĐỘ TUỔI VÀ THỜI GIỜ LÀM VIỆC

Nhóm tiêu chí này được xác định theo hai nhóm tuổi với số giờ làm việc tương ứng được quy định tại Điều 146 Bộ luật Lao động năm 2019, như sau:

1. Người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi: Không được quá 4 giờ/ngày và 20 giờ/tuần. Không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm (từ sau 22h đến 6h sáng ngày hôm sau).
2. Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi: Không được quá 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần. Có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề, công việc theo quy định tại Phụ lục V, thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.

#### 4.2.2. Nhóm tiêu chí thứ hai: LOẠI CÔNG VIỆC: CÁC CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

Loại công việc tham gia lao động được giới hạn theo 3 nhóm tuổi (đồng thời thỏa mãn tiêu chí về thời giờ làm việc theo nhóm tuổi), như sau:

1. Người dưới 13 tuổi làm những công việc ngoài quy định tại:
  - > Khoản 3 Điều 145 Bộ luật Lao động năm 2019, và cụ thể hóa tại khoản 6 điều 3 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH gồm: các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của trẻ và phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc UBND cấp tỉnh.
2. Người từ đủ 13 đến dưới 15 làm những công việc ngoài quy định tại Điều 145 Bộ luật Lao động năm 2019 và được cụ thể hóa trong Phụ lục II (Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm) của Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH
3. Người từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi tham gia bất kể công việc gì mà vi phạm các quy định tại khoản 1, Điều 147 Bộ luật Lao động năm 2019 và được cụ thể hóa trong Phụ lục III của Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH:
  - > Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;
  - > Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác;
  - > Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;
  - > Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;

- 
- > Phá dỡ các công trình xây dựng;
  - > Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;
  - > Lặn biển, đánh bắt thủy, hải sản xa bờ;
  - > Công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

#### 4.2.3. Nhóm tiêu chí thứ ba: NƠI VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Làm tại những nơi bị nghiêm cấm tại khoản 2 Điều 147 Bộ Luật Lao động năm 2019 và được cụ thể hóa trong và Phụ lục IV của Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH, gồm:

- Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;
- Công trường xây dựng;
- Cơ sở giết mổ gia súc;
- Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;
- Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

#### 4.2.4. Nhóm tiêu chí thứ tư: CÁC HÌNH THỨC LAO ĐỘNG TRẺ EM TỐI TỆ NHẤT

Điều 3 Công ước 182 của ILO quy định bốn (04) nhóm hình thức lao động tồi tệ nhất đối với trẻ em cần nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ gồm:

1. Mọi hình thức nô lệ hay tương tự nô lệ như buôn bán và vận chuyển trẻ em, gán nợ và lao động nô lệ và lao động cưỡng bức trong đó có tuyển mộ cưỡng bức trẻ em tham gia vào các xung đột vũ trang;
2. Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào hoạt động mại dâm, sản xuất các sản phẩm phim ảnh khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm;
3. Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt vào mục đích sản xuất và vận chuyển chất ma túy như được nêu tại các hiệp định quốc tế;
4. Những công việc mà tính chất hoặc các điều kiện của nó có thể xâm hại đến sức khỏe, an toàn và đạo đức của trẻ.

### 4.3. Tóm tắt các nhóm tiêu chí nhận diện LĐTE

#### Nhóm tiêu chí 1

##### Độ tuổi và thời gian làm việc

- Từ 13 tuổi đến < 15 tuổi:
  - + Không làm việc >4h/ngày và > 20h/tuần
  - + Không làm thêm giờ, làm việc sau 22h
- Từ đủ 15 tuổi đến < 18 tuổi:
  - + Không làm việc > 8h/ngày và > 40h/tuần
  - + Có thể làm việc thêm giờ, vào ban đêm các công việc được QĐ tại Phụ lục V, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH

#### Nhóm tiêu chí 2

##### Loại công việc: Các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

- Người < 13 tuổi: làm CV trái QĐ tại khoản 3 điều 145. Luật LĐ 2019; khoản 6, điều 3 TT09/2020/TT-BLĐTBXH
- Từ đủ 13 tuổi đến < 15 tuổi: làm CV trái QĐ tại khoản Điều 145 Luật LĐ 2019 và cụ thể hoá tại Phụ lục II TT 09/2020/TT-BLĐTBXH
- Từ đủ 15 tuổi đến < 18 tuổi: Làm CV tái QĐ tại Phụ lục V, TT số 09/2020/TT-BLĐTBXH

#### Nhóm tiêu chí 3

##### Nơi và điều kiện làm việc

Những nơi LV ảnh hưởng đến phát triển thể lực, trí lực, đạo đức, nhân cách của trẻ QĐ tại khoản 2 Điều 147 Luật LĐ 2019 và cụ thể hoá trong Phụ lục IV, TT số 09/2020/TT-BLĐTBXH, như LV dưới nước, lòng đất; trong hang động, đường hầm: Công trường xây dựng; Cơ sở giết mổ gia súc; Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở xông hơi, mát-xa...

#### Nhóm tiêu chí 4

##### Các hình thức LĐTE

- Mọi hình thức nô lệ, tương tự nô lệ như buôn bán, vận chuyển TE, gán nợ, LĐ nô lệ, LĐ cưỡng bức, TE tham gia vào các xung đột vũ trang.
- Sử dụng, dụ dỗ lôi kéo TE vào các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là SX, VC chất ma túy.
- Những công việc màm tính chất hoặc các ĐK của nó có thể xâm hại đến sức khỏe, an toàn và đức của trẻ.



## PHẦN III

# ► Công đoàn với hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

*Phần III. “Công đoàn với hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE” sẽ cung cấp những kiến thức và hướng dẫn cho cán bộ công đoàn cấp cơ sở trong tham mưu và tổ chức các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE. Phần này gồm các bài học:*

- Bài 5: Vai trò của Công đoàn trong phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE
- Bài 6: Hướng dẫn Công đoàn tham gia phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE

**BÀI 5****► Vai trò Công đoàn trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em****5.1. Giới thiệu tổ chức Công đoàn và Công đoàn cơ sở**

Ở Việt Nam, Luật công đoàn năm 2012 xác định: Công đoàn Việt Nam là tổ chức Chính trị - Xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, là thành viên trong hệ thống chính trị của xã hội Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho cán bộ, công chức, viên chức, công nhân và những người lao động khác (sau đây gọi chung là người lao động), cùng với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Công đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của công đoàn, tập hợp đoàn viên công đoàn trong một hoặc một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận theo quy định của pháp luật và Điều lệ công đoàn Việt Nam. Theo Điều lệ công đoàn Việt Nam Khóa XII thì “Công đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam, được thành lập ở một hoặc một số đơn vị sử dụng lao động hợp pháp, khi có từ 5 đoàn viên hoặc người lao động trở lên, có đơn ra nhập Công đoàn Việt Nam”

**5.2. Tại sao Công đoàn cần tham gia phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE?**

Có nhiều lý do để Công đoàn cần tham gia phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE. Dưới đây sẽ trình bày một số lý do chính.:

- **Xuất phát từ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của công đoàn:** Tại Điều 10, Luật Công đoàn 2012 quy định rõ trách nhiệm của Công đoàn Việt Nam là tổ chức “Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động”. Đấu tranh xóa bỏ tình trạng LĐTE không nằm ngoài chức năng nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của tổ chức công đoàn bởi tình trạng LĐTE có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện những mục tiêu bảo vệ việc làm, nâng cao mức lương và cải thiện điều kiện làm việc cho các công đoàn viên. Bởi vậy, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam (TLDLĐVN) đã xác định LĐTE vừa là vấn đề của quan hệ lao động tại nơi làm việc, vừa là vấn đề cần được bảo vệ khỏi sự bóc lột theo các công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam.

- LĐTE là tình trạng vi phạm pháp luật quốc tế và quốc gia, không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ em cả trong hiện tại và tương lai, mà còn ảnh hưởng đến việc làm và tiền lương của người lớn: Đặc điểm của LĐTE là khả năng đàm phán của trẻ không bằng người lớn nên khi tham gia thị trường lao động, trẻ dễ dàng chấp nhận theo những điều kiện của người sử dụng lao động như: có thể đồng ý làm bất cứ công việc gì khi được yêu cầu, kể cả làm thêm giờ (với nhiều trường hợp là bị cưỡng bức); chấp nhận làm việc với mức lương thấp hơn so với người lớn khi làm cùng một công việc như nhau, v.v... Hệ quả là sẽ làm gia tăng việc cung ứng cho thị trường lao động một nguồn nhân công lao động rẻ mạt. Điều này có thể gây khó khăn cho việc đàm phán với người sử dụng lao động về tiền lương và các điều kiện làm việc của người trưởng thành.
- LĐTE có thể góp phần làm gia tăng tình trạng thất nghiệp ở người trưởng thành, ảnh hưởng đến các thành viên của công đoàn: Một đứa trẻ có thể làm được công việc của người trưởng thành nhưng lại nhận thù lao hoặc tiền lương thấp hơn nhiều so với người trưởng thành cùng làm công việc đó. Nếu trẻ em không làm công việc đó nữa thì đương nhiên người trưởng thành sẽ làm công việc đó. Bởi vậy, LĐTE có thể gây ra tình trạng nhiều người trưởng thành thì đang thất nghiệp trong khi trẻ em thì vẫn phải lao động kiếm sống. Điều này là không tốt cho cả hai khi mà nó đi ngược lại những gì đáng lẽ phải diễn ra, đó là: "Trẻ em không phải lao động kiếm sống mà phải đến trường, còn người lớn thì phải đi làm!". Rõ ràng rằng, nếu tiếp tục để trẻ em làm công việc của người trưởng thành với mức thù lao hoặc tiền lương thấp hơn, và nếu tình trạng này diễn ra tràn lan, phổ biến thì sẽ tạo ra sự bất ổn cho tình trạng việc làm, tiền lương và điều kiện lao động của người trưởng thành. Do đó, bên cạnh việc bảo vệ trẻ em (trong đó có con em của đoàn viên công đoàn) khỏi tình trạng bị bóc lột, Công đoàn tham gia đấu tranh phòng ngừa, giảm thiểu và loại bỏ LĐTE cũng chính là để bảo vệ các đoàn viên của mình, góp phần duy trì sự ổn định cho thị trường lao động và tiền lương cũng như điều kiện làm việc của người trưởng thành.
- Công đoàn là tổ chức có mạng lưới rộng khắp và bề dày kinh nghiệm trong nhiều hoạt động liên quan đến người sử dụng lao động và người lao động: Kể từ khi ra đời, tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động là một trong những nhiệm vụ chính của tổ chức công đoàn, và đã được luật hóa tại điều 15 Luật công đoàn. Với một mạng lưới tổ chức từ cấp trung ương đến cấp cơ sở, kết hợp với bề dày kinh nghiệm hoạt động của mình, Công đoàn dễ dàng phát huy được sức mạnh sẵn có trong các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE như: (i) Thông tin-Giáo dục-Truyền thông (TT-GD-TT) kiến thức pháp luật và các vấn đề liên quan đến LĐTE; (ii) Vận động người sử dụng lao động cam kết không sử dụng LĐTE; (iii) Giám sát việc thực hiện cam kết không sử dụng LĐTE (iv) Thực hiện những hoạt động hỗ trợ các trường hợp LĐTE, trẻ em có nguy cơ trở thành LĐTE, v.v...

- Sự tham gia của Công đoàn giúp sớm phát hiện và ngăn chặn tình trạng LĐTE: “Tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” là nhiệm vụ được quy định tại điều 14 Luật công đoàn. Hoạt động này sẽ công đoàn phát hiện sớm các trường hợp LĐTE, những nơi sử dụng LĐTE và thông tin cho thanh tra lao động và các cơ quan có trách nhiệm để có biện pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời. Việc tham gia cùng với doanh nghiệp thương lượng, xây dựng nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể trong đó có vấn đề LĐTE và giám sát việc thực hiện những văn bản đã ký kết sẽ góp phần phòng ngừa phát sinh tình trạng LĐTE.

### 5.3. Cơ sở luật pháp cho sự tham gia của Công đoàn trong các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE

#### 5.3.1. Cơ sở luật pháp quốc tế

LĐTE là một vấn đề rộng lớn, phức tạp, có liên quan đến nhiều khía cạnh khác nhau trong cuộc sống như luật pháp, kinh tế, chính trị, xã hội, v.v... Tình trạng LĐTE cũng có liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau như trẻ em, gia đình, cộng đồng, trường học, nhà nước, doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức xã hội, tổ chức dựa vào cộng đồng, v.v... Do tính chất rộng lớn, phức tạp của vấn đề, cũng như mỗi chủ thể đều có những điểm mạnh và hạn chế riêng nên để phòng ngừa, giảm thiểu và loại bỏ tình trạng LĐTE thì khó có một chủ thể đơn lẻ nào có thể tự mình giải quyết được. Bởi vậy, các chủ thể cùng phối hợp hành động là rất cần thiết bởi điều này sẽ đem lại nhiều lợi ích trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động như: phát huy được sức mạnh của mỗi chủ thể, đảm bảo các hoạt động được thuận lợi hơn, gia tăng và tập trung được nguồn lực vào những vấn đề cần ưu tiên giải quyết, v.v... Việc phối hợp sẽ giúp gia các chủ thể cùng nhau hành động để đạt được mục tiêu chung là dự phòng, giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ tình trạng LĐTE.

Công đoàn là tổ chức làm việc với nhiều bên liên quan đến vấn đề LĐTE, trong đó có người sử dụng lao động và người lao động là hai chủ thể có vai trò quan trọng trong phát sinh cũng như phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE. Các công ước 138, công ước 182 đều yêu cầu các Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền đại diện khi triển khai các nội dung, chính sách của công ước đều phải “tham khảo ý kiến các tổ chức người lao động và người sử dụng lao động”. Đây là cơ sở luật pháp quốc tế cho việc tham gia của tổ chức công đoàn vào các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE.

#### 5.3.2. Cơ sở luật pháp Việt Nam

Luật pháp Việt Nam cũng quy định rõ về sự tham gia của tổ chức công đoàn trong các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE. Nhiệm vụ này đã được Thủ tướng

---

Chính phủ giao tại quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27/5/2021 về **“Phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030”**. Theo đó, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm *“Tổ chức truyền thông, giáo dục, tư vấn pháp luật, chính sách về LĐTE cho các bộ, đoàn viên, người chưa thành niên, trẻ em tham gia lao động”*.

Theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Ban nữ công là đơn vị đầu mối đại diện tham gia giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến lao động nữ và trẻ em, cũng như có nhiệm vụ tham mưu giúp Ban chấp hành công đoàn cùng cấp trong công tác xây dựng chính sách pháp luật liên quan đến lao động nữ, bình đẳng giới, vì sự phát triển của phụ nữ, công tác gia đình, trẻ em.

## BÀI 6

# ► Hướng dẫn Công đoàn tham gia phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

Tổ chức công đoàn cơ sở có thể tham gia nhiều hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Dưới đây sẽ giới thiệu những hoạt động thường được triển khai ở cấp cơ sở, gồm:

1. Tìm hiểu tình hình LĐTE
2. Vận động doanh nghiệp không sử dụng LĐTE thông qua ký kết và thực hiện Thỏa ước lao động tập thể
3. Thông tin-Giáo dục-Truyền thông về LĐTE
4. Giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật và cam kết về LĐTE

### 6.1. Tìm hiểu tình hình LĐTE

#### 6.1.1. Mục đích của việc tìm hiểu tình hình LĐTE

Tìm hiểu tình hình LĐTE giúp cán bộ công đoàn biết được trên địa bàn hoạt động của mình có LĐTE hay không để từ đó đề xuất với công đoàn cấp trên và các bên có liên quan tổ chức các hoạt động can thiệp và trợ giúp phù hợp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu và loại bỏ LĐTE.

#### 6.1.2. Tìm hiểu tình hình LĐTE ở đâu?

Việc tìm hiểu và phát hiện các trường hợp LĐTE được triển khai ở những địa bàn mà công đoàn cơ sở đang hoạt động như: doanh nghiệp và các đối tác kinh doanh thuộc chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh có sử dụng lao động.

#### 6.1.3. Ai sẽ là người tìm hiểu tình hình LĐTE?

Cán bộ công đoàn cơ sở là người hiểu rất rõ tình hình LĐTE ở địa bàn hoạt động của mình. Bởi vậy, cùng với các hoạt động khác, việc tìm hiểu tình hình LĐTE cũng là một trong những nhiệm vụ của người cán bộ công đoàn cơ sở.

#### 6.1.4. Cần tìm hiểu những thông tin gì về LĐTĐ?

Một cách tổng quan nhất, thông tin về LĐTĐ cần tìm hiểu là những thông tin phản ánh tính chất, mức độ (phạm vi), nguyên nhân và hậu quả của LĐTĐ trên địa bàn hoạt động của công đoàn cơ sở. Việc thu thập những dữ liệu đó thông thường cần trả lời một số câu hỏi:

- Có tình trạng LĐTĐ trên địa bàn mình phụ trách hay không? Nếu có thì:
  - > *LĐTĐ đang diễn ra ở doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị nào?*
  - > *Có bao nhiêu em đang phải lao động? Số lượng em trai, em gái?*
  - > *Các em làm những công việc gì? Thu nhập như thế nào?*
  - > *Các em thường làm việc vào những thời gian nào trong ngày? Phải làm bao nhiêu giờ trong một ngày hoặc trong một tuần?*
  - > *Điều kiện làm việc của các em như thế nào? Có em nào phải làm những công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm không?*
  - > *Các em có được đi học không? Việc tham gia lao động ảnh hưởng đến việc học tập của các em như thế nào?*
  - > *Công việc ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe, sự an toàn, đạo đức và việc học hành của các em?*
  - > *Các em nhận nhận như thế nào về việc tham gia lao động?*
- Nhận thức, thái độ, kiến thức (về luật pháp, hậu quả của LĐTĐ, v.v...) của người sử dụng lao động, các đoàn viên công đoàn (người lao động) về vấn đề LĐTĐ như thế nào?
- Nguyên nhân của vấn đề LĐTĐ là gì? Đây là những nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân sâu xa gây ra tình trạng LĐTĐ?
- Người sử dụng lao động (doanh nghiệp, cơ sở SXKD, chuỗi cung ứng của doanh nghiệp) có ký thỏa ước hoặc cam kết không sử dụng LĐTĐ hay không? Mức độ hiểu biết pháp luật về LĐTĐ của họ như thế nào?

*Bên cạnh việc tìm hiểu tình hình LĐTĐ, cán bộ công đoàn cơ sở cũng cần tự đánh giá năng lực của tổ chức công đoàn cơ sở, của cá nhân mình qua nhìn nhận những điểm mạnh, điểm yếu, những khó khăn, thuận lợi khi tổ chức các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTĐ để đề xuất lên công đoàn cấp trên có sự hỗ trợ phù hợp.*

---

**6.2. Hoạt động 2:** Vận động doanh nghiệp không sử dụng LĐTE thông qua ký kết và thực hiện Thỏa ước lao động tập thể

### 6.2.1. Tại sao cần vận động ký kết và thực hiện Thỏa ước lao động tập thể

Để phòng ngừa, giảm thiểu và loại bỏ tình trạng LĐTE thì điều quan trọng là cần có sự đồng thuận và cam kết của người đứng đầu doanh nghiệp, tổ chức có sử dụng lao động. Bởi vậy, việc vận động, thúc đẩy người sử dụng lao động xây dựng quy chế và đưa ra cam kết chính thức về vấn đề không sử dụng LĐTE là điều cần thiết. Thương lượng tập thể và Thỏa ước lao động tập thể là công cụ truyền thống của công đoàn và là giải pháp duy nhất mà công đoàn xử sự với giới chủ. Bởi vậy, Thương lượng tập thể và Thỏa ước lao động tập thể phải được coi là một trong những hoạt động chủ chốt, quan trọng của công đoàn để đấu tranh chống lại tình trạng LĐTE.

### 6.2.2. Những vấn đề cần lưu ý khi Thương lượng tập thể và ký kết Thỏa ước lao động tập thể về LĐTE

Những tuyên bố, quy chế và cam kết không sử dụng LĐTE cần được thương lượng và đưa vào Thỏa ước lao động tập thể cùng với những biện pháp cần thiết để loại bỏ LĐTE ở nơi làm việc. Những thỏa thuận này là ràng buộc và được cả hai bên thực hiện. Khi cán bộ công đoàn cơ sở tiến hành Thương lượng tập thể và ký kết Thỏa ước lao động tập thể về LĐTE cần lưu ý những vấn đề sau:

1. Tuân thủ theo đúng trình tự đã được quy định tại Mục 2 (từ điều 63 đến điều 74) và Mục 3 (từ điều 75 đến điều 89) của Bộ luật Lao động năm 2019.
2. Những nội dung của quy chế và cam kết phải phù hợp với quy định pháp luật quốc gia và công ước quốc tế về LĐTE, và không chỉ áp dụng riêng trong doanh nghiệp, tổ chức của người sử dụng lao động mà còn áp dụng cho cả các đối tác của doanh nghiệp, tổ chức.
3. Cân nhắc xem cần thiết phải ký kết một Thỏa ước lao động tập thể riêng về vấn đề LĐTE hay là lồng ghép vấn đề này vào một thỏa ước lao động tập thể chung (cùng với các vấn đề khác, ví dụ như tiền lương, giờ nghỉ trưa, chế độ nghỉ ốm, v.v...)? Cần lưu ý là NẾU bản Thỏa ước lao động tập thể chung chỉ có giá trị trong một thời gian nhất định (trong một số năm) thì cần xem xét thương lượng và ký kết một Thỏa ước lao động tập thể riêng về LĐTE để tránh sau này phải ký kết lại khi bản Thỏa ước lao động tập thể chung hết hạn.
4. Các điều khoản trong Thỏa ước lao động tập thể về LĐTE không được thấp hơn những quy định trong các Công ước số 138 và số 182 của ILO và những quy định của pháp luật Việt Nam tại Bộ luật Lao động 2019 và các Thông tư của Bộ LĐTB&XH.



**6.2.3. Những nội dung chính bản Thỏa ước lao động tập thể về LĐTE cần đưa vào cam kết và được các bên chấp thuận, ký kết**

Bảng dưới đây giới thiệu những nội dung chính (nhưng không giới hạn) mà bản Thỏa ước lao động tập thể về LĐTE cần đưa vào cam kết và được các bên chấp thuận, ký kết, bao gồm:

► **Bảng 6: Sáu nội dung chính cần đạt được trong Bản Thỏa ước tập thể về LĐTE**

| TT | Điều khoản thương lượng và thỏa ước                              | Nội dung chính cần thương lượng và đưa vào Thỏa ước lao động tập thể  |
|----|--|---|
| 1. | Điều khoản về sử dụng lao động trực tiếp                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẳng định tình trạng LĐTE là không thể chấp nhận được.</li> <li>- Không sử dụng bất cứ trẻ em nào dưới độ tuổi theo quy định của luật pháp Việt Nam hoặc dưới tiêu chuẩn ILO theo công ước 138 và 182.</li> </ul>                         |
| 2. | Điều khoản về sử dụng lao động gián tiếp                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở sử dụng lao động phải đưa vào hợp đồng với các nhà cung ứng hoặc nhà thầu phụ điều khoản quy định không được sử dụng LĐTE, bao gồm cả một quy chế cụ thể nhằm kiểm soát, theo dõi, giám sát việc thực thi điều khoản này.</li> </ul> |
| 3. | Sự tham gia giám sát của công đoàn                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công đoàn sẽ giám sát bất cứ một điều khoản nào trong bản Thỏa ước lao động tập thể liên quan đến LĐTE đã ký kết.</li> <li>- Hai bên xây dựng một kế hoạch hành động chung với trách nhiệm của mỗi bên.</li> </ul>                         |
| 4. | Vận động không sử dụng LĐTE trong tổ chức người sử dụng lao động | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người sử dụng lao động đồng ý tham gia vận động giới sử dụng lao động trong lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của mình và giới sử dụng lao động trong nước để có những chính sách, biện pháp chống lại việc sử dụng LĐTE.</li> </ul>          |

| TT | Điều khoản thương lượng và thỏa ước                      | Nội dung chính cần thương lượng và đưa vào Thỏa ước lao động tập thể   |
|----|--|--|
| 5. | Bảo trợ việc tiếp cận giáo dục cho con em người lao động | - Người sử dụng lao động hỗ trợ hoặc cho con em của người lao động đi học, đầu tư xây dựng các trường học, trường mầm non tại các khu vực không có, hoặc thiếu, hoặc xa các cơ sở giáo dục như các khu công nghiệp, khu chế xuất.  |
| 6. | Tái hòa nhập cho trẻ thoát khỏi LĐTE                     | - Người sử dụng lao động bảo trợ các chương trình tái hòa nhập đối với các em đã được đưa ra khỏi lao động (nếu có). Các chương trình này có thể bao gồm: (i) Đưa trẻ em trở lại trường học hoặc các chương trình dạy nghề, học việc; (ii) Tạo việc làm cho bố mẹ các em hoặc hỗ trợ gia đình thông qua các chương trình cho vay vốn của các tổ chức đoàn thể xã hội ở địa phương. |

### 6.3. Hoạt động 3: Thông tin-Giáo dục-Truyền thông về LĐTE (TT-GD-TT)

#### 6.3.1. Mục đích của TT-GD-TT về LĐTE

Trong cuộc đấu tranh chống lại tình trạng sử dụng LĐTE, TT-GD-TT là một hoạt động quan trọng đối với cán bộ công đoàn cơ sở nhằm gia tăng nhận thức, kiến thức về vấn đề LĐTE của người sử dụng lao động và người lao động, từ đó vận động sự ủng hộ, cam kết với các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE ở địa bàn hoạt động của công đoàn cơ sở.

#### 6.3.2. Nhóm đối tượng đích TT-GD-TT về LĐTE

Trong phạm vi hoạt động của mình, cán bộ công đoàn cơ sở có thể phối hợp với chính quyền, thanh tra lao động hoặc trực tiếp (tùy thuộc vào điều kiện thực tế) để thực hiện TT-GD-TT về LĐTE nhằm tới các nhóm đối tượng đích sau đây:

- Người lao động (đoàn viên công đoàn)
- Các Hội/Hiệp hội doanh nghiệp, ngành nghề ở địa phương
- Người sử dụng lao động

### 6.3.3. Nội dung chính, phương pháp TT-GD-TT về LĐTĐ

Việc xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, vận động phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như mục tiêu của hoạt động TT-GD-TT, nhóm đối tượng đích mà hoạt động hướng tới, lượng thời gian, các nguồn lực sẵn có, v.v... Dưới đây là gợi ý (nhưng không giới hạn) những nội dung và phương pháp chính sau:

► **Bảng 7: Tóm tắt nội dung và phương pháp TT-GD-TT về LĐTĐ**

| TT | Nhóm đích   | Mục đích  | Nội dung chính  | Phương pháp thực hiện  |
|----|---|---|---|--|
| 1. | Đoàn viên công đoàn (người lao động)                | Nâng cao nhận thức, kiến thức về LĐTĐ                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức cơ bản về LĐTĐ: khái niệm LĐTĐ, nguyên nhân, hậu quả của LĐTĐ...</li> <li>- Công ước 138, 182 của ILO</li> <li>- Những quy định luật pháp Việt Nam về LĐTĐ</li> <li>- Nhận dạng LĐTĐ</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thông trực tiếp theo nhóm nhỏ;</li> <li>- Cung cấp tờ rơi, sách mỏng về LĐTĐ.</li> </ul>   |
| 2. | Các hội, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề | Vận động tham gia các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTĐ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình hình LĐTĐ ở địa phương, kiến thức cơ bản về LĐTĐ</li> <li>- Công ước 138, 182 của ILO;</li> <li>- Những quy định luật pháp Việt Nam về LĐTĐ</li> <li>- Những cam kết của Chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế liên quan đến LĐTĐ;</li> <li>- Những hành động mà các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội ngành nghề có thể làm để phòng ngừa và giảm thiểu LĐTĐ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức hội nghị, Hội thảo chuyên đề về LĐTĐ</li> <li>- Cung cấp tài liệu, Bản tin về LĐTĐ, tài liệu hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu LĐTĐ</li> </ul> |

| TT | Nhóm đích                                    | Mục đích  | Nội dung chính  | Phương pháp thực hiện   |
|----|--|---|---|---|
| 3. | Chủ doanh nghiệp<br>(Người sử dụng lao động) | Vận động ký kết thỏa ước lao động tập thể về LĐTE | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức cơ bản về LĐTE: khái niệm LĐTE, nguyên nhân, hậu quả của LĐTE...</li> <li>- Công ước 138, 182 của ILO;</li> <li>- Những quy định luật pháp Việt Nam về LĐTE</li> <li>- Lợi ích của doanh nghiệp khi không sử dụng LĐTE;</li> <li>- Những nội dung mà bản Thỏa ước LĐTE cần có;</li> <li>- Những hoạt động doanh nghiệp có thể làm để phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức hội nghị, Hội thảo chuyên đề về LĐTE và doanh nghiệp;</li> <li>- Cung cấp tài liệu, Bản tin, sách mỏng về LĐTE;</li> <li>- Cung cấp tài liệu hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE.</li> </ul> |

---

## 6.4. Hoạt động 4: Giám sát thực thi chính sách, pháp luật về LĐTE

### 6.4.1. Tại sao cần giám sát?

“Tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” là một trong số những nhiệm vụ trọng tâm của tổ chức Công đoàn, được quy định tại điều 14 Luật công đoàn 2012. Giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật và cam kết về LĐTE sẽ giúp cán bộ công đoàn cơ sở:

- Kiểm soát tốt địa bàn hoạt động của mình
- Phát hiện sớm các trường hợp LĐTE, giải thoát các em ra khỏi lao động.
- Đảm bảo Thỏa ước lao động tập thể về LĐTE được thực thi đúng cam kết
- Nhận biết được những khó khăn, vướng mắc trong áp dụng các chính sách, quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE để đề xuất, tham mưu với công đoàn cấp trên hoặc các cơ quan có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE.

### 6.4.2. Thực hiện giám sát ở đâu?

Việc giám sát được triển khai ở các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có sử dụng người lao động trên địa bàn hoạt động của công đoàn cơ sở. Hoạt động này có thể mở rộng ra các đối tác kinh doanh, các đối tác thuộc chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, thường ở khu vực kinh tế phi chính thức là những nơi có tình trạng LĐTE diễn ra phổ biến.

### 6.4.3. Ai là người giám sát

Người giám sát có thể bao gồm nhiều thành phần tham gia như: Đại diện tổ chức công đoàn cơ sở, Đại diện của tổ chức công đoàn cấp trên, Thanh tra lao động, đại diện Hội/Hiệp hội doanh nghiệp, ngành nghề, đại diện chính quyền địa phương.

Tổ chức công đoàn cơ sở có thể tự tổ chức giám sát theo nhiệm vụ, chức năng đã được luật pháp cho phép.

### 6.4.4. Các nội dung giám sát

Thông thường, mục đích của nhiệm vụ giám sát là nhằm nhận biết tình hình LĐTE cũng như việc thực hiện chính sách, quy định của pháp luật về vấn đề LĐTE của đơn vị chịu sự giám sát. Để phục vụ cho mục đích này thì xem xét đưa vào (nhưng không giới hạn) những nội dung sau đây:

1. Rà soát việc thực hiện các điều khoản trong Thỏa ước lao động tập thể về LĐTE của các bên tham gia.
2. Nhận biết có tình trạng sử dụng LĐTE hay không? (*dựa theo bốn nhóm tiêu chí nhận diện LĐTE - xem tại Bài 4*).
3. Doanh nghiệp có yêu cầu các đối tác kinh doanh, các đối tác thuộc chuỗi cung ứng cam kết không sử dụng LĐTE hay không?
4. Doanh nghiệp, đơn vị có tổ chức các hoạt động TT-GD-TT về LĐTE cho các đoàn viên công đoàn hay không? Nếu có thì được tổ chức như thế nào? Hiệu quả ra sao?
5. Doanh nghiệp có chính sách hỗ trợ cho các hộ gia đình đoàn viên công đoàn nghèo, có con em là LĐTE hoặc có nguy cơ trở thành LĐTE hay không? nếu có thì mức độ phù hợp, hiệu quả ra sao? Có cần điều chỉnh vấn đề gì không?

#### **6.4.5. Một số vấn đề cần quan tâm khi thực hiện nhiệm vụ giám sát**

Khi thực hiện nhiệm vụ giám sát về LĐTE, cán bộ công đoàn cơ sở cần lưu ý những vấn đề sau:

- Việc giám sát phải được tiến hành thường xuyên và đảm bảo tính chính xác, trung thực, công bằng, khách quan.
- Cần có kế hoạch rõ ràng, cụ thể gửi tới đơn vị/doanh nghiệp chịu sự giám sát và các bên có liên quan khác (khi phối hợp thực hiện giám sát).
- Có thể lồng ghép nội dung giám sát LĐTE với giám sát các vấn đề khác của tổ chức Công đoàn.
- Tất cả những thông tin thu thập được từ giám sát đều phải được ghi nhận bằng văn bản với sự xác nhận của các bên tham gia và người đứng đầu cơ sở chịu sự giám sát.

Ở trang sau sẽ giới thiệu một mẫu đơn giản khi thực hiện nhiệm vụ giám sát để gửi các bên liên quan.

Tên cơ quan, đơn vị giám sát

Số: /XX

V/v:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

.... Ngày tháng năm

## KẾ HOẠCH GIÁM SÁT

- Căn cứ:.....
- Công đoàn...thông báo kế hoạch giám sát đối như sau:

### I. Mục đích giám sát

Kiểm tra việc thực hiện chính sách, quy định của pháp luật về vấn đề LĐTE

### II. Thành phần trong kế hoạch giám sát

1. Đơn vị chủ trì giám sát
2. (Các) Đơn vị phối hợp tham gia
3. Đơn vị chịu sự giám sát:

### III. Thời gian, địa điểm

1. Thời gian: Từ ....giờ, ngày tháng năm đến ....giờ, ngày tháng năm
2. Địa điểm: tại....

### IV. Nội dung giám sát

1. Rà soát việc thực hiện các hoạt động đã cam kết trong Thảo thuận lao động tập thể về LĐTE
2. Kiểm tra ngẫu nhiên hồ sơ, hợp đồng lao động của XXX người lao động
3. Kiểm tra trực tiếp tại XXX phân xưởng sản xuất của đơn vị và XXX đối tác kinh doanh của đơn vị.
4. ....

### V. Những yêu cầu đối với đơn vị (chịu sự giám sát) giám sát

1. Cử đại diện để làm việc với đoàn giám sát
2. Chuẩn bị các báo cáo, hồ sơ liên quan phục vụ cho nội dung giám sát
3. ....

## PHỤ LỤC

Phụ lục sẽ cung cấp đường link một số văn bản pháp luật và dưới luật liên quan đến phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE, bao gồm:

► **Bảng 8: Địa chỉ truy cập các văn bản pháp luật về LĐTE**

| Tên văn bản   | Link  |
|---|---|
| Bộ Luật lao động năm 2019   | <a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx">https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx</a>   |
| Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về lao động chưa thành niên   | <a href="http://congbao.chinhphu.vn/cong-bao-so-445-446-nam-2021-33376">http://congbao.chinhphu.vn/cong-bao-so-445-446-nam-2021-33376</a>   |
| Nghị định số 144/2013/NĐ-CP về Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em  | <a href="http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&amp;page=2&amp;mode=detail&amp;document_id=170520">http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&amp;page=2&amp;mode=detail&amp;document_id=170520</a>   |
| Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT về Quy định danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng người lao động dưới 18 tuổi trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm | <a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-lien-tich-21-2004-TTLT-BLĐTBXH-BYT-huong-dan-danh-muc-cho-lam-viec-khong-duoc-su-dung-lao-dong-duoi-18-tuoi-de-hoat-dong-mai-dam-52648.aspx">https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-lien-tich-21-2004-TTLT-BLĐTBXH-BYT-huong-dan-danh-muc-cho-lam-viec-khong-duoc-su-dung-lao-dong-duoi-18-tuoi-de-hoat-dong-mai-dam-52648.aspx</a> |



---

| Tên văn bản   | Link  |
|---|---|
| Nghị định số 95/2013/NĐ-CP năm 2013 về Quy định chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định về lao động chưa thành niên | <a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem-m/Nghi-dinh-95-2013-ND-CP-xu-phat-vi-pha-m-hanh-chinh-linh-vuc-lao-dong-bao-hiem-xa-hoi-205242.aspx">https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem-m/Nghi-dinh-95-2013-ND-CP-xu-phat-vi-pha-m-hanh-chinh-linh-vuc-lao-dong-bao-hiem-xa-hoi-205242.aspx</a> |

**NHÓM TÁC GIẢ**  
**Chịu trách nhiệm**

**Chủ Biên**

Ths. Đỗ Thành Nam  
Chuyên gia Dự án ENHANCE/ILO

**Dự án ENHANCE/ILO**

Bà Nguyễn Mai Oanh, Quản lý dự án Quốc gia  
Bà Nguyễn Hương Giang, cán bộ Xây dựng năng lực  
Bà Hoàng Thị Tố Linh, Cán bộ Truyền thông và Nâng cao nhận thức

**Ban Nữ công, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam**

Bà Đỗ Vân, Trưởng Ban  
Bà: Trần Phương, Chuyên viên



## Văn phòng ILO tại Việt Nam

-  304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
-  Tel: +84 24 38 500 100
-  Email: [hanoi@ilo.org](mailto:hanoi@ilo.org)
-  [www.ilo.org/hanoi](http://www.ilo.org/hanoi)
-  [www.facebook.com/Vietnam.ILO](https://www.facebook.com/Vietnam.ILO)

